BỘ CÔNG THƯƠNG
ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Số: 2345 /QĐ-ĐHCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Đại học Công nghiệp Hà Nội

GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1976/QĐ-ĐHCN ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo trình độ đại học của Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh và đào tạo trình độ đại học kể từ học kỳ I năm học 2026-2027. Việc áp dụng Quy chế đối với các khóa tuyển sinh trước thời điểm này và xử lý các nội dung chuyển tiếp thực hiện theo quy định của Quy chế.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trong Đại học, viên chức, người lao động, giảng viên và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các Phó Giám đốc Đại học (để phối hợp chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC

BỘ CÔNG THƯƠNG
ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Kiều Xuân Thực

BỘ CÔNG THƯƠNG
ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2345 /QĐ-ĐHCN ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Đại học Công nghiệp Hà Nội)

CHƯƠNG I.
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Đại học Công nghiệp Hà Nội (sau đây gọi chung là Đại học), bao gồm: chương trình đào tạo; tổ chức đào tạo; đánh giá, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ; quản lý quá trình học tập; xét và công nhận tốt nghiệp; cấp chứng chỉ giáo dục đại học; quản lý hồ sơ, dữ liệu đào tạo và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên, giảng viên, các đơn vị thuộc, trực thuộc Đại học và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đào tạo trình độ đại học tại Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và quản lý đào tạo

1. Đại học tổ chức và quản lý đào tạo theo chương trình đào tạo được xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định của pháp luật, bảo đảm chuẩn đầu ra, chất lượng đào tạo, quyền và lợi ích hợp pháp của sinh viên.

2. Đào tạo được tổ chức theo hệ thống tín chỉ; sinh viên chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với chương trình đào tạo, điều kiện của Đại học và khả năng học tập của bản thân.

3. Việc tổ chức đào tạo, đánh giá và công nhận kết quả học tập được thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, khách quan, công bằng; bảo đảm sinh viên được công nhận đầy đủ kết quả học tập hợp pháp, phù hợp với chương trình đào tạo và quy định của pháp luật.

4. Đại học có thể tổ chức đào tạo theo các hình thức, phương thức và mô hình đào tạo được pháp luật cho phép, bao gồm đào tạo trực tiếp, đào tạo từ xa và các hình thức tổ chức đào tạo kết hợp; việc tổ chức đào tạo phải bảo đảm điều kiện về chương trình, đội ngũ, cơ sở vật chất, công nghệ, kiểm tra, đánh giá và bảo đảm chất lượng theo quy định.

5. Việc công nhận, chuyển đổi tín chỉ và kết quả học tập được thực hiện trên cơ sở đối sánh về nội dung, khối lượng, chuẩn đầu ra và mức độ tương đương của kết quả học tập, bảo đảm tính minh bạch, khả năng tích lũy và liên thông trong quá trình học tập của sinh viên.

6. Đại học được tổ chức liên kết, hợp tác và trao đổi đào tạo với các cơ sở giáo dục, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; việc phân định trách nhiệm giữa các bên phải được xác định rõ và bảo đảm chất lượng đào tạo.

7. Việc quản lý đào tạo được thực hiện thống nhất trên cơ sở dữ liệu đào tạo của Đại học, từng bước số hóa, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, an toàn, bảo mật và khả năng kết nối, khai thác dữ liệu theo quy định.

8. Các đơn vị, cá nhân tham gia hoạt động đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao và các quy định của Quy chế này; không được đặt ra yêu cầu, điều kiện hoặc quy trình trái với quy định của pháp luật và của Đại học.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình đào tạo* là hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế, tổ chức thực hiện nhằm đạt được chuẩn đầu ra của một ngành hoặc chuyên ngành đào tạo ở một trình độ nhất định, bao gồm mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, cấu trúc, phương pháp tổ chức đào tạo, phương pháp đánh giá và các điều kiện thực hiện chương trình.

2. *Học phần* là một đơn vị cấu thành của chương trình đào tạo, được tổ chức giảng dạy, học tập và đánh giá tương đối độc lập, có khối lượng học tập được xác định bằng tín chỉ.

3. *Tín chỉ* là đơn vị đo khối lượng học tập của sinh viên, được sử dụng để xác định khối lượng học tập của học phần và chương trình đào tạo theo quy định.

4. *Học phần bắt buộc* là học phần mà sinh viên phải hoàn thành theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

5. *Học phần tự chọn* là học phần thuộc nhóm học phần mà sinh viên được lựa chọn để đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

6. *Học phần tiên quyết* là học phần mà sinh viên phải đạt trước khi được đăng ký học một học phần khác theo quy định của chương trình đào tạo.

7. *Học phần tương đương* là các học phần được Đại học công nhận tương đương về nội dung, khối lượng học tập và chuẩn đầu ra, sinh viên được lựa chọn học một trong các học phần đó.

8. *Học phần thay thế* là học phần được sử dụng để thay thế học phần không còn được tổ chức đào tạo trong chương trình đào tạo theo quy định của Đại học.

9. *Học phần đặc thù* là học phần thực tập (bao gồm thực tập cơ sở, thực tập nghề nghiệp, thực tập doanh nghiệp trong nước và nước ngoài) và học phần đồ án, khóa luận tốt nghiệp (ĐA/KLTN) trong chương trình đào tạo.

10. *Kết quả học tập* là kết quả được xác định thông qua quá trình học tập và đánh giá của sinh viên đối với một học phần, nhóm học phần, giai đoạn hoặc toàn bộ chương trình đào tạo.

11. *Công nhận kết quả học tập* là việc Đại học xác định và công nhận giá trị của kết quả học tập mà sinh viên đã đạt được để sử dụng trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo.

12. *Chuyển đổi tín chỉ* là việc xác định số tín chỉ được công nhận từ kết quả học tập của sinh viên sang các học phần hoặc yêu cầu tương ứng của chương trình đào tạo tại Đại học.

13. *Điểm học phần* là kết quả đánh giá sinh viên đối với một học phần theo thang điểm và phương pháp đánh giá được quy định trong Quy chế này.

14. *Điểm trung bình học kỳ* là điểm trung bình có trọng số của các học phần được đánh giá trong một học kỳ, tính theo số tín chỉ của từng học phần.

15. *Điểm trung bình chung tích lũy* là điểm trung bình cộng có trọng số của các học phần đã được tích lũy từ đầu khóa học đến thời điểm tính, tính theo số tín chỉ của từng học phần theo quy định.

16. *Tín chỉ tích lũy* là số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đã hoàn thành và được công nhận theo chương trình đào tạo.

17. *Liên kết đào tạo* là hình thức tổ chức đào tạo được thực hiện trên cơ sở hợp tác giữa Đại học với một hoặc nhiều cơ sở giáo dục hoặc tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật, trong đó trách nhiệm, quyền hạn của các bên và việc tổ chức, quản lý, đánh giá, công nhận kết quả học tập được xác định theo thỏa thuận và quy định pháp luật.

18. *Chứng chỉ giáo dục đại học* là văn bản do Đại học cấp cho sinh viên để xác nhận việc hoàn thành một chương trình đào tạo hoặc một phần chương trình đào tạo, khối lượng học tập theo quy định của pháp luật và của Đại học, không thuộc trường hợp được cấp bằng tốt nghiệp trình độ đại học.

19. *Hệ thống quản lý học tập (Learning Management System - LMS)* là hệ thống phần mềm/công nghệ thông tin dùng để tổ chức, quản lý và triển khai hoạt động dạy học trên môi trường số; cung cấp, quản lý học liệu; hỗ trợ tương tác giữa

giảng viên và sinh viên; theo dõi tiến độ học tập; ghi nhận hoạt động kiểm tra, đánh giá; quản lý và lưu trữ dữ liệu giảng dạy, học tập.

20. *Đơn vị quản lý đào tạo* là đơn vị được Giám đốc Đại học giao chủ trì quản lý, tổ chức thực hiện đối với từng hình thức đào tạo.

Điều 4. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần, trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Đại học và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng sinh viên khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

3. Chương trình đào tạo được công khai đối với sinh viên trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, bảo đảm quyền lợi của sinh viên.

Điều 5. Thời gian đào tạo

1. Thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn của chương trình đào tạo được tính từ ngày nhập học và được xác định theo thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo chuẩn của hình thức đào tạo thường xuyên dài hơn ít nhất một phần tư (1/4) so với thời gian đào tạo chuẩn của cùng chương trình đào tạo theo hình thức chính quy. Thời gian đào tạo tối thiểu để hoàn thành chương trình không ít hơn hai phần ba (2/3) thời gian đào tạo chuẩn của chương trình.

2. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo được xác định theo thời gian đào tạo chuẩn của chương trình và thời điểm tuyển sinh như sau:

a) Sinh viên nhập học trước năm 2021: thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo bằng 02 lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình; trường hợp đã hoàn thành chương trình đào tạo nhưng chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được công nhận tốt nghiệp, sinh viên được tiếp tục hoàn thiện các điều kiện còn thiếu trong thời gian tối đa 05 năm kể từ khi hết thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo;

b) Sinh viên nhập học từ năm 2021 đến hết năm 2025: thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo bằng 1,5 lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình;

trường hợp đã hoàn thành chương trình đào tạo nhưng chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được công nhận tốt nghiệp, sinh viên được tiếp tục hoàn thiện các điều kiện còn thiếu trong thời gian tối đa 03 năm kể từ khi hết thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo;

c) Sinh viên nhập học từ năm 2026 trở đi: thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo bằng 02 lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình. Sinh viên phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được công nhận tốt nghiệp trong thời gian tối đa này.

3. Không tính vào thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo các khoảng thời gian sinh viên được Đại học cho phép nghỉ học tạm thời quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 39 của Quy chế này.

4. Đối với sinh viên học liên thông hoặc được công nhận, chuyển đổi tín chỉ, miễn trừ học phần, thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo được xác định trên cơ sở chương trình đào tạo, khối lượng học tập được công nhận, chuyển đổi, miễn trừ và khối lượng học tập còn phải hoàn thành.

Điều 6. Tổ chức đào tạo

1. Đào tạo theo tín chỉ:

a) Là cách thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Đại học;

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

2. Sinh viên có chứng chỉ giáo dục đại học còn thời hạn được xem xét công nhận kết quả học tập và miễn trừ, thay thế học phần tương ứng trong chương trình đào tạo theo quy định của Đại học.

3. Đào tạo theo hệ thống tín chỉ được áp dụng thống nhất đối với tất cả các khóa và hình thức đào tạo trong toàn Đại học.

Điều 7. Hình thức và phương thức tổ chức đào tạo

1. Hình thức đào tạo chính quy được quy định như sau:

a) Hoạt động giảng dạy có sự hiện diện đồng thời, tương tác trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên, được tổ chức tập trung tại cơ sở đào tạo trong khung giờ ban ngày, chiếm trên 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo. Phần được thực hiện theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa, phần thực hiện tại cơ sở phối hợp liên kết đào tạo trong nước và phần được công nhận, chuyển đổi tín chỉ cộng lại không làm cho khối lượng thực học trực tiếp tại cơ sở đào tạo thấp hơn tỷ lệ quy định;

b) Sinh viên học tập trung toàn thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa và thời khóa biểu do Đại học bố trí; được tuyển sinh theo kế hoạch tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Hoạt động giảng dạy được thực hiện tại các cơ sở đào tạo của Đại học. Hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể được thực hiện ngoài cơ sở đào tạo của Đại học theo kế hoạch đào tạo và quy định của Đại học;

d) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy được thực hiện từ 6 giờ 30 phút đến 22 giờ các ngày trong tuần, trừ ngày nghỉ lễ, Tết và các ngày nghỉ theo quy định. Đối với các hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo như thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế, giảng dạy trực tuyến, ngoại khóa, lớp mở theo yêu cầu của sinh viên và các hoạt động khác, thời gian tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo bảo đảm không thấp hơn yêu cầu tại điểm a khoản này.

2. Hình thức đào tạo thường xuyên:

a) Được tổ chức linh hoạt về thời gian tại các địa điểm đào tạo đáp ứng điều kiện bảo đảm chất lượng và được phép hoạt động. Hoạt động đào tạo được thực hiện tại cơ sở đào tạo hoặc cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định của Quy chế này; hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và đào tạo theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa có thể được tổ chức tại địa điểm khác theo kế hoạch đào tạo và quy định của Đại học;

b) Thời gian tổ chức hoạt động đào tạo có giảng viên giảng dạy, hướng dẫn được thực hiện từ 06 giờ 30 phút đến 22 giờ các ngày trong tuần, trừ ngày nghỉ lễ, Tết. Đối với hoạt động học tập theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa, sinh viên được chủ động bố trí thời gian học tập phù hợp với kế hoạch đào tạo và yêu cầu của học phần.

3. Hình thức đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên được tổ chức theo phương thức trực tiếp, từ xa hoặc kết hợp giữa trực tiếp và từ xa.

4. Phương thức tổ chức đào tạo từ xa phải đáp ứng các quy định về ứng dụng công nghệ trong giáo dục đại học và các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm hệ thống tổ chức đào tạo từ xa gồm quy định quản lý, đơn vị và nhân sự quản lý, đội ngũ giảng viên, nhân sự hỗ trợ, hệ thống quản lý học tập (LMS), hệ thống kiểm tra, đánh giá, hạ tầng công nghệ thông tin và thư viện số đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo;

b) Hoạt động đào tạo từ xa được thực hiện trên hệ thống quản lý học tập, có học liệu số, cơ chế xác thực danh tính sinh viên, theo dõi tiến độ học tập, quản lý và lưu trữ dữ liệu về giảng dạy, học tập và đánh giá; bảo đảm bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, liêm chính học thuật và hỗ trợ kỹ thuật, học thuật cho sinh viên;

c) Giáo trình, học liệu, bài giảng điện tử, kế hoạch học tập và dữ liệu về hoạt động giảng dạy, học tập, kết quả đánh giá của sinh viên được quản lý, lưu trữ trên hệ thống quản lý học tập theo quy định của pháp luật và của Đại học.

5. Trước khi tuyển sinh, Đại học công khai trên Cổng thông tin điện tử của Đại học các thông tin về tổ chức đào tạo, tối thiểu gồm: hình thức đào tạo; phương thức tổ chức đào tạo; đối với chương trình thực hiện theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa, tỷ lệ thời lượng giảng dạy được tổ chức theo phương thức từ xa; kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo; danh mục học liệu chính, học liệu bổ trợ của từng học phần; phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá; các điều kiện bảo đảm chất lượng phục vụ tổ chức đào tạo.

CHƯƠNG II
KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 8. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Một năm học có 02 hoặc 03 học kỳ chính với tổng số tuần tối thiểu là 30 tuần học tập, giảng dạy và hoạt động đào tạo theo kế hoạch. Ngoài các học kỳ chính, Đại học tổ chức các học kỳ phụ phù hợp với điều kiện tổ chức đào tạo và nhu cầu học tập của sinh viên.

2. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc từ xa theo quy định tại Hướng dẫn tổ chức dạy học của học phần), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khóa học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố công khai cho sinh viên và các đơn vị liên quan ít nhất 04 tuần trước ngày bắt đầu học chính thức.

3. Thời khoá biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khoá học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khóa biểu của các lớp học phần bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng lý thuyết của một học phần không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày; số giờ thực hiện những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo (thực hành, thực tập, trực tuyến, ngoại khóa, lớp mở theo yêu cầu của sinh viên, …) được thực hiện theo quy định của Đại học.

4. Đơn vị quản lý đào tạo dự kiến số lượng lớp học phần cho mỗi học phần, thời khóa biểu cho các lớp học phần trong từng học kỳ gửi các đơn vị quản lý học phần để thống nhất kế hoạch và phân công giảng viên giảng dạy trên Hệ thống Đại học điện tử trước khi tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập.

Điều 9. Đăng ký học tập

1. Quy định về đăng ký học tập

a) Trước khi bắt đầu đợt đăng ký học tập ở mỗi học kỳ, các đơn vị quản lý sinh viên tổ chức tư vấn và hướng dẫn cho sinh viên đăng ký khối lượng học tập trên Hệ thống Đại học điện tử.

b) Sinh viên thực hiện đăng ký học tập dự kiến tại đầu kỳ học chính với số tín chỉ được phép đăng ký tối đa 33 tín chỉ, các học phần đăng ký gồm: những học phần mới, các học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có). Dữ liệu đăng ký được dùng làm căn cứ tổng hợp nhu cầu học tập, xây dựng kế hoạch mở lớp, bố trí nguồn lực và xây dựng thời khóa biểu cho học kỳ chính kế tiếp. Sinh viên phải đăng ký thành công học phần trong đợt đăng ký học tập dự kiến mới đăng ký được vào lớp học phần mở trong đợt đăng ký chính;

c) Sinh viên thực hiện đăng ký học tập chính thức để lựa chọn các lớp học phần được Đại học tổ chức trong học kỳ. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể;

d) Khối lượng học tập sinh viên đăng ký trong mỗi học kỳ chính, không bao gồm các học phần không sử dụng để tính điểm trung bình học tập, được quy định như sau:

Khối lượng học tập tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng học tập trung bình của một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn, trừ học kỳ cuối khóa hoặc các trường hợp đặc biệt.

Khối lượng học tập tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng học tập trung bình của một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn, trừ trường hợp sinh viên có học lực từ loại Khá trở lên;

đ) Đơn vị quản lý đào tạo tổ chức cho sinh viên đăng ký khối lượng học tập ở mỗi học kỳ. Dữ liệu đăng ký học tập của sinh viên được lưu trữ trên Hệ thống Đại học điện tử, bao gồm các thông tin tối thiểu như: thời gian đăng ký, mã lớp học phần đã đăng ký hoặc hủy đăng ký, số tín chỉ của học phần, học kỳ mở lớp, tài khoản thực hiện đăng ký. Sinh viên đăng ký thành công vào lớp học phần được thành lập phải đóng học phí theo quy định;

e) Kết quả đăng ký học tập chính thức là căn cứ để tổ chức giảng dạy, theo dõi quá trình học tập và thực hiện các nghiệp vụ quản lý đào tạo có liên quan;

g) Sinh viên đăng ký không đủ khối lượng học tập tối thiểu trong học kỳ chính được Trưởng đơn vị đào tạo xem xét, đề xuất Giám đốc Đại học quyết định cho tiếp tục học hoặc tạm dừng học trong học kỳ đó. Việc cho tiếp tục học hoặc tạm dừng học phải được thông báo đến sinh viên trong tuần đầu tiên của học kỳ;

h) Sau khi đăng ký thành công vào lớp học phần, sinh viên không đi học được coi là tự ý bỏ học, phải nhận điểm 0 (không) là điểm học phần và phải đóng học phí theo quy định;

i) Sinh viên thuộc các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, chương trình chuyên sâu đặc thù tương đương trình độ Bậc 7 - Kỹ sư theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chương trình đào tạo kỹ sư tài năng, sinh viên học theo hình thức thường xuyên được sắp xếp học theo tiến độ đào tạo chuẩn;

k) Sinh viên không thuộc đối tượng quy định tại điểm i khoản này được sắp xếp học theo tiến độ đào tạo chuẩn đối với hai học kỳ đầu tiên của năm thứ nhất. Từ học kỳ thứ 3 trở đi sinh viên được tư vấn để tự chọn và tự đăng ký khối lượng học tập.

2. Yêu cầu cần đáp ứng

a) Đối với đăng ký học tập dự kiến

Tài khoản của sinh viên trên Hệ thống Đại học điện tử được hiển thị đầy đủ các học phần theo học kỳ trong chương trình đào tạo chuẩn.

Sinh viên thực hiện đăng ký đầy đủ, đúng thời hạn các học phần dự kiến học trong học kỳ.

Việc lựa chọn học phần phải phù hợp với chương trình đào tạo, tiến độ học tập, kết quả học tập đã tích lũy và điều kiện học trước, học tiên quyết.

Kết quả đăng ký phải phản ánh nhu cầu học tập thực tế của sinh viên, làm cơ sở để Đại học xây dựng kế hoạch mở lớp và tổ chức đào tạo.

b) Đối với đăng ký học tập chính thức

Tài khoản của sinh viên hiển thị đầy đủ các lớp học phần trong chương trình đào tạo chuẩn được Đại học tổ chức trong học kỳ trên Hệ thống Đại học điện tử.

Sinh viên thực hiện đăng ký học tập đúng theo thời gian và đáp ứng các điều kiện đăng ký lớp học phần theo quy định.

Việc lựa chọn lớp học phần phải phù hợp với kế hoạch học tập cá nhân, thời khóa biểu và các điều kiện tổ chức giảng dạy.

Sinh viên có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận kết quả đăng ký và chủ động xử lý các vướng mắc trong thời gian đăng ký.

Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc hủy đăng ký học phần phải thực hiện trong thời hạn và theo kế hoạch từng kỳ học.

3. Tổ chức thực hiện đăng ký

a) Đăng ký học tập dự kiến

Đơn vị quản lý đào tạo căn cứ tiến trình đào tạo lập kế hoạch mở các học phần cho học kỳ chính kế tiếp để sinh viên đăng ký; đồng thời thông báo thời gian, đối tượng và hướng dẫn đăng ký học tập. Thực hiện từ tuần thứ 03 của học kỳ trước.

Sinh viên căn cứ chương trình đào tạo, tiến độ và kết quả học tập để đăng ký học phần cho học kỳ chính tiếp theo. Thực hiện từ tuần 04 đến hết tuần 05 của học kỳ trước.

Đơn vị quản lý sinh viên tổ chức tư vấn, hướng dẫn và xác nhận đăng ký học tập, kiểm tra khối lượng tín chỉ và các điều kiện học phần theo quy định trên hệ thống. Thực hiện từ tuần 06 đến hết tuần 07 của học kỳ trước.

Đơn vị quản lý học phần nhập và duyệt đề cương chi tiết trên hệ thống đại học điện tử, hoàn thành trước tuần 02 của học kỳ trước.

b) Đăng ký học tập chính thức

Căn cứ vào khối lượng học phần đã đăng ký dự kiến của sinh viên thuộc đối tượng quy định tại điểm i khoản 1 Điều này, tùy vào điều kiện thực tế, Đại học có thể thực hiện đăng ký trước cho sinh viên vào một số lớp học phần của các học phần bắt buộc theo tiến độ chuẩn trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc tư vấn, hỗ trợ của trưởng chương trình, giảng viên điều phối và chuyên viên hỗ trợ người học. Sinh viên có thể rút khỏi các lớp học phần này và đăng ký lớp học phần khác trong thời gian đăng ký quy định theo nhu cầu cá nhân.

Đợt đăng ký chính: Sinh viên thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ từ 03 đến 04 tuần, dành cho sinh viên đăng ký hoặc hủy đăng ký vào lớp học phần.

Đợt đăng ký bổ sung: Sinh viên thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ từ 01 đến 03 tuần, dành cho sinh viên đăng ký mở lớp học phần mới hoặc bổ sung vào các lớp chưa đủ sĩ số tối đa.

Trong thời gian đăng ký học tập, sinh viên chỉ được phép đăng ký tối đa vào 01 lớp học phần được tổ chức cho mỗi học phần.

Ngoài thời gian trên, nếu có sinh viên chuyển trường, chuyển chương trình đào tạo, học tiếp sau thời gian nghỉ học tạm thời muốn đăng ký bổ sung vào các

lớp học phần đã mở, đơn vị quản lý sinh viên lập danh sách theo mẫu và gửi về đơn vị quản lý đào tạo để được hỗ trợ.

c) Rút bớt khỏi lớp học phần đã đăng ký

Sinh viên được phép rút học phần trên Hệ thống Đại học điện tử từ tuần 03 đến tuần 08 của học kỳ chính hoặc tuần 02 đến tuần 04 của học kỳ phụ, nhưng vẫn phải đóng học phí và bảo đảm khối lượng học tập tối thiểu theo quy định. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Đại học quyết định.

Điều 10. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập

a) Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên;

b) Phát huy vai trò chủ động đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;

c) Có cơ chế thanh tra, giám sát nội bộ và có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của sinh viên.

2. Dạy và học theo phương thức trực tiếp, từ xa và kết hợp

a) Đại học tổ chức dạy và học theo phương thức trực tiếp, từ xa hoặc kết hợp trực tiếp và từ xa phù hợp với chương trình đào tạo, đối tượng sinh viên và quy định hiện hành về tổ chức đào tạo; bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, đội ngũ giảng viên và các điều kiện cần thiết khác để tổ chức đào tạo;

b) Đối với đào tạo theo hình thức chính quy, tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng phương thức từ xa phải thấp hơn 50%. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Không áp dụng phương thức tổ chức đào tạo từ xa đối với các học phần thực hành chuyên ngành và thực tập nghề nghiệp.

3. Tổ chức lớp học

a) Lớp học phần được tổ chức cho từng học phần. Trước khi tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập, mỗi lớp học phần phải có tối thiểu các thông tin về: mã lớp học phần, mã học phần, tên học phần, số tín chỉ của học phần, thời gian học tập, địa điểm học tập, giảng viên, đồng giảng, trợ giảng (nếu có);

b) Đối với học phần có cả lý thuyết và thực hành/thí nghiệm/tiểu luận/bài tập lớn/đồ án/dự án:

Đối với phần lý thuyết, thực hành/thí nghiệm: Tổ chức dạy học theo lớp học phần với thời gian, địa điểm dạy học được quy định cụ thể trong Thời khóa biểu hoặc Lịch thí nghiệm/thực hành.

Đối với phần tiểu luận, bài tập lớn, đồ án/dự án: Tổ chức dạy học cá nhân hoặc nhóm sinh viên theo chủ đề nghiên cứu. Thời gian, địa điểm, hướng dẫn học tập, do giảng viên quy định và thông báo tới sinh viên trong quá trình giảng dạy phần lý thuyết hoặc phần thực hành/thí nghiệm. Trường hợp cần bố trí phòng học cụ thể, đơn vị đào tạo lập kế hoạch đề nghị, gửi đơn vị quản lý đào tạo trước thời điểm bắt đầu tổ chức dạy học ít nhất 01 tuần để được xem xét, bố trí phòng học phục vụ các lớp học phần.

c) Đối với học phần chỉ có tín chỉ tiểu luận, bài tập lớn, đồ án/dự án: Tổ chức thực hiện như ý 2 điểm b khoản 3 Điều này.

d) Tổ chức lớp học song song thực và ảo DRC (Dual-Reality Classroom)

Giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy cho tất cả các lớp học phần được phân công giảng dạy trên hệ thống LMS (Learning Management System) theo mô hình lớp học song song thực và ảo DRC, bao gồm: Xây dựng, cập nhật học liệu cho các bài học; thông báo, hướng dẫn sinh viên tham gia học trực tuyến và tổ chức giảng dạy trực tuyến (nếu có); theo dõi, điểm danh, quản lý quá trình học tập; kịp thời xử lý hoặc báo cáo các sự cố phát sinh, bảo đảm chất lượng và tiến độ giảng dạy học phần.

Sinh viên có trách nhiệm chủ động truy cập hệ thống LMS, nghiên cứu học liệu, thực hiện nhiệm vụ học tập và tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, tương tác, kiểm tra, đánh giá theo kế hoạch; tuân thủ quy định về điểm danh, thời hạn hoàn thành nhiệm vụ học tập và các yêu cầu của giảng viên.

đ) Trưởng đơn vị đào tạo phân công giảng viên, giảng viên đồng giảng và trợ giảng (nếu có) phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ cho từng lớp học phần được mở trên Hệ thống Đại học điện tử, trước thời điểm sinh viên đăng ký học ít nhất 03 ngày làm việc.

e) Lớp học phần được thành lập khi có số lượng sinh viên tối thiểu đã đăng ký vào lớp như sau:

60 sinh viên đối với các học phần giáo dục đại cương, 50 sinh viên đối với những học phần cơ sở ngành và 40 sinh viên đối với những học phần chuyên ngành; 20 sinh viên đối với các học phần chỉ có nội dung thực hành, thí nghiệm, học phần ngoại ngữ hoặc học phần chuyên môn giảng dạy bằng ngoại ngữ.

Lớp học sẽ không được tổ chức nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định; sinh viên trong các lớp học phần không được tổ chức

phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác bảo đảm quy định về khối lượng học tập tối thiểu trong học kỳ.

Không quy định số lượng sinh viên tối thiểu đối với lớp học phần thực tập, đồ án/dự án và Đồ án/khóa luận tốt nghiệp.

Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Đại học quyết định.

4. Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập:

a) Đại học tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với lớp học phần thông qua Hệ thống Đại học điện tử;

b) Thời điểm lấy ý kiến: thực hiện sau khi đánh giá kết thúc học phần;

c) Việc lấy ý kiến phản hồi phải bảo đảm tính ẩn danh, khách quan; kết quả phản hồi được tổng hợp, phân tích theo ngưỡng số lượng sinh viên tối thiểu theo quy định và không gắn việc trả lời phiếu phản hồi với việc xem điểm hoặc thực hiện các quyền học tập khác của sinh viên;

d) Kết quả lấy ý kiến phản hồi của sinh viên, bao gồm nội dung, mức độ phản hồi, được khai thác, sử dụng và công khai trên Hệ thống Đại học điện tử phù hợp với từng nhóm đối tượng, bảo đảm đúng mục đích và tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân**.**

5. Trách nhiệm, quyền hạn và năng lực của giảng viên được phân công giảng dạy các lớp học phần:

a) Giảng dạy phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ; được đề nghị bố trí giảng viên dạy thay hoặc đổi giờ giảng trong trường hợp không thể thực hiện nhiệm vụ giảng dạy theo kế hoạch vì lý do chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật về lao động và quy định của Đại học. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Đại học quyết định;

b) Thông báo cho sinh viên về mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp (phương thức), kế hoạch dạy học và đánh giá kết quả học tập ngay trong buổi học đầu tiên của lớp học phần;

c) Giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập một cách khách quan theo đúng đề cương chi tiết học phần, hướng dẫn dạy học, hướng dẫn đánh giá kết quả học tập, thời khóa biểu và lịch giảng dạy đã được phê duyệt. Công bố kết quả học tập cho sinh viên và nhập kết quả học tập lên Hệ thống Đại học điện tử chậm nhất

là 07 ngày làm việc sau khi thực hiện mỗi bài kiểm tra, đánh giá; Công bố kết quả điểm danh vào cuối mỗi buổi học và cập nhật kết quả điểm danh lên Hệ thống Đại học điện tử chậm nhất 01 ngày làm việc sau buổi học;

d) Hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch tự học tập, phương pháp học tập, nghiên cứu phù hợp với đặc thù của học phần; giải đáp thắc mắc trong quá trình sinh viên tự học, chuẩn bị bài và làm bài tập trực tiếp tại văn phòng bộ môn/khoa hoặc gián tiếp qua các kênh giao tiếp phù hợp. Mỗi lớp học phần sẽ có một lớp học tương ứng trên hệ thống "Dạy học trực tuyến"/"Dạy học kết hợp", trong đó có diễn đàn để sinh viên và giảng viên thảo luận. Giảng viên có trách nhiệm cập nhật các tài liệu của học phần lên hệ thống này, thường xuyên truy cập lớp học trực tuyến và diễn đàn để điều phối các nội dung thảo luận và giải đáp thắc mắc cho sinh viên;

đ) Chịu trách nhiệm về chất lượng giảng dạy, tính chính xác, khách quan của kết quả đánh giá và mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần của sinh viên thuộc lớp học phần được phân công giảng dạy;

e) Thực hiện đúng các quy định về hồ sơ giảng viên;

g) Chủ trì, điều phối hoạt động của trợ giảng (nếu có), của chuyên gia được Đại học mời đồng giảng (nếu có) theo đúng đề cương chi tiết học phần, hướng dẫn dạy học, hướng dẫn đánh giá kết quả học tập, thời khóa biểu và lịch giảng dạy đã được phê duyệt;

h) Viên chức, người lao động được phân công làm trợ giảng thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ giảng viên trong giảng dạy, giúp giảng viên trong việc phụ đạo, hướng dẫn chuẩn bị bài, làm bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành; kiểm tra, giám sát, khuyến khích việc tham gia học tập của sinh viên;

i) Đối với chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài: giảng viên giảng dạy các học phần bằng tiếng nước ngoài (không bao gồm các học phần chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh) phải đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (trừ trường hợp được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ đó từ trình độ đại học trở lên); được áp dụng hệ số giờ giảng theo quy định của Đại học (nếu có).

6. Trách nhiệm và quyền hạn của sinh viên khi tham dự các lớp học phần

a) Được giảng viên công bố thông tin về mục tiêu, nội dung, kế hoạch dạy học và các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học phần ngay trong buổi học đầu tiên của lớp học phần;

b) Tham gia học tập, đánh giá kết quả học tập theo đúng thời khóa biểu và hướng dẫn của giảng viên được phân công giảng dạy lớp học phần; thường xuyên truy cập lớp học trực tuyến tương ứng với lớp học phần để học tập, thảo luận và đặt câu hỏi, đọc câu trả lời. Trường hợp sinh viên vắng mặt trong buổi học có lý do chính đáng, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nghỉ học, sinh viên được làm đơn gửi đơn vị cấp 2 phụ trách học phần để xem xét, bố trí học bù. Việc học bù, kiểm tra bù được thực hiện khi trong học kỳ còn lớp học phần của cùng học phần và chưa thực hiện bài học sinh viên đã vắng mặt;

c) Được tôn trọng, đối xử bình đẳng trong quá trình học tập và đánh giá kết quả học tập;

d) Đối với hình thức đào tạo chính quy sinh viên được đánh giá và tính điểm học phần trừ các trường hợp sau:

Đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc học phần có cả lý thuyết và đồ án, dự án, tiểu luận, bài tập lớn: Sinh viên vắng mặt trên lớp quá 30% số giờ học lý thuyết không được tham dự đánh giá kết thúc học phần, nhận điểm 0 (không) là điểm học phần;

Đối với học phần dạy học kết hợp: Sinh viên vắng mặt trên lớp quá 30% số giờ học trực tiếp hoặc không hoàn thành các bài tập được giao theo nội dung bài học trực tuyến không được tham dự đánh giá kết thúc học phần, nhận điểm 0 (không) là điểm học phần.

Đối với học phần có cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm: Sinh viên vắng mặt trên lớp quá 30% số giờ học lý thuyết hoặc quá 30% số giờ học thực hành, thí nghiệm sẽ không được tham dự đánh giá kết thúc học phần, nhận điểm 0 (không) là điểm học phần;

Đối với các học phần Thực hành, Thí nghiệm: Sinh viên vắng mặt quá 30% số giờ học thực hành, thí nghiệm phải nhận điểm 0 (không) là điểm học phần;

Đối với các học phần Tiểu luận, Bài tập lớn, Đồ án/Dự án: Sinh viên không báo cáo kết quả quá trình thực hiện hoặc không hoàn thành nhiệm vụ theo tiến độ thực hiện Tiểu luận, Bài tập lớn, Đồ án/Dự án quy định trong Đề cương chi tiết học phần hoặc yêu cầu trong Phiếu giao Tiểu luận, Bài tập lớn, Đồ án/Dự án sẽ không được tham dự đánh giá kết thúc học phần, nhận điểm 0 là điểm học phần.

đ) Đối với hình thức đào tạo thường xuyên, sinh viên được đánh giá và tính điểm học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Tham gia đầy đủ các giờ học có giảng viên giảng dạy, hướng dẫn hoặc xem đầy đủ thời lượng các video ghi hình buổi học có giảng viên giảng dạy, hướng dẫn được lưu trữ trên Hệ thống;

Hoàn thành đầy đủ các bài tập, bài kiểm tra thường xuyên và bài thi giữa học phần (nếu có) theo quy định tại đề cương chi tiết học phần.

e) Được giảng viên thông báo kết quả học tập và có thể tra cứu kết quả học tập từ Hệ thống Đại học điện tử sau 07 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện bài kiểm tra, đánh giá;

g) Được phúc tra, khiếu nại kết quả học tập cụ thể như sau:

Đối với bài đánh giá quá trình: Sinh viên được quyền khiếu nại về điểm, kết quả đánh giá và được giảng viên giảng dạy học phần giải đáp.

Đối với bài thi kết thúc học phần bằng hình thức tự luận: Sinh viên được xem lại bài thi trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố kết quả; được quyền khiếu nại, phúc khảo bài thi trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả.

Đối với bài thi kết thúc học phần bằng các hình thức khác: Sinh viên được quyền khiếu nại về kết quả đánh giá tại thời điểm công bố kết quả.

h) Sinh viên có quyền và trách nhiệm đóng góp ý kiến phản hồi về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với các lớp học phần đã tham gia học tập theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 11. Quản lý chất lượng đào tạo và dữ liệu đào tạo

1. Thiết lập và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong đối với hoạt động đào tạo trình độ đại học; định kỳ rà soát, đánh giá chương trình đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo, hoạt động kiểm tra, đánh giá, các điều kiện bảo đảm chất lượng và kết quả đầu ra của sinh viên để cải tiến chất lượng đào tạo.

2. Mức độ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo của sinh viên được đo lường, đánh giá trước khi tốt nghiệp. Đại học ban hành quy định riêng về quy trình, phương pháp và tổ chức đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo và được cung cấp cho sinh viên cùng với văn bằng, phụ lục văn bằng khi tốt nghiệp.

3. Quản lý đầy đủ, chính xác, thống nhất và an toàn dữ liệu về tuyển sinh, đăng ký học tập, quá trình học tập, kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, cảnh báo học tập, khen thưởng, kỷ luật, xét tốt nghiệp, cấp

văn bằng, chứng chỉ và các thông tin khác có liên quan đến quá trình đào tạo; cập nhật, khai thác và cung cấp dữ liệu theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Đại học giao cho các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, kiểm định, thanh tra, kiểm tra và giám sát chất lượng đào tạo; tiếp nhận, xử lý phản hồi của sinh viên, giảng viên, người sử dụng lao động và các bên liên quan; thực hiện giải trình, khắc phục và cải tiến khi phát hiện hạn chế, vi phạm hoặc nguy cơ không bảo đảm chất lượng đào tạo.

CHƯƠNG III
ĐÁNH GIÁ VÀ XỬ LÝ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 12. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá tối thiểu qua ba điểm thành phần trong đó điểm đánh giá kết thúc học phần có trọng số tối thiểu 50%, đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có hai điểm đánh giá, đối với học phần đặc thù có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 và bám sát chuẩn đầu ra của học phần, bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên và điểm đánh giá kết thúc học phần. Việc lựa chọn số lượng, phương pháp, hình thức đánh giá và trọng số để tính điểm học phần của các điểm đánh giá thành phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần và bộ tài liệu hướng dẫn đánh giá kết quả học tập học phần.

2. Việc đánh giá kết thúc học phần được tổ chức vào cuối học kỳ hoặc theo kế hoạch đào tạo của Đại học, theo hình thức trực tiếp hoặc từ xa phù hợp với phương thức tổ chức đào tạo, tính chất của học phần và yêu cầu đạt chuẩn đầu ra. Việc xây dựng, lựa chọn đề đánh giá; xác định hình thức đánh giá; tổ chức đánh giá; chấm, xử lý kết quả và công bố điểm đánh giá kết thúc học phần phải bảo đảm phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần, nội dung giảng dạy và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết học phần; bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác, minh bạch và tuân thủ các quy định của Đại học.

Đối với sinh viên học theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa, việc đánh giá kết quả học tập phải bảo đảm trung thực, công bằng, khách quan và mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần, chương trình đào tạo không thấp hơn so với sinh viên học theo phương thức tổ chức đào tạo trực tiếp; phần đánh giá được thực hiện theo phương thức từ xa đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần.

Riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận theo phương thức từ xa được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá từ xa được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và sinh viên;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ từ xa được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

3. Sinh viên vắng mặt trong buổi đánh giá kết quả học tập không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 (không) cho lần đánh giá đó. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được xem xét đánh giá bổ sung và được tính điểm lần đầu.

Đối với các bài đánh giá thường xuyên, sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được xem xét đánh giá bổ sung theo kế hoạch giảng dạy và đánh giá của học phần. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các bài đánh giá thường xuyên còn nợ trước khi tham dự bài đánh giá kết thúc học phần.

Đối với bài đánh giá kết thúc học phần, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đánh giá, sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng phải nộp đơn đề nghị hoãn đánh giá kèm theo hồ sơ minh chứng có xác nhận của đơn vị quản lý sinh viên. Việc tổ chức đánh giá bổ sung do Trung tâm Khảo thí quyết định, bảo đảm sinh viên được đánh giá và kết quả được cập nhật trong thời hạn không quá hai học kỳ chính tiếp theo kể từ kỳ đánh giá đã hoãn.

Sinh viên đã được chấp thuận hoãn đánh giá kết thúc học phần phải hoàn thành bài đánh giá còn nợ trước khi được xem xét chấp thuận hoãn đánh giá kết thúc học phần ở kỳ đánh giá tiếp theo. Sinh viên đã được chấp thuận đánh giá bổ sung nhưng không tham dự theo lịch thông báo phải nhận điểm 0 (không) cho bài đánh giá tương ứng. Trường hợp điểm đánh giá kết thúc học phần bằng 0 (không), điểm học phần được xác định bằng 0 (không).

4. Điểm học phần là tổng của điểm đánh giá thường xuyên và điểm đánh giá kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được quy định trong đề cương chi tiết học phần và được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: từ 8,50 đến 10,0;

B+: từ 7,70 đến 8,49;

B: từ 7,00 đến 7,69;

C+: từ 6,20 đến 6,99;

C: từ 5,50 đến 6,19;

D+: từ 4,70 đến 5,49;

D: từ 4,00 đến 4,69.

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,00 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: dưới 4,00 đối với học phần tính vào điểm trung bình học tập; dưới 5,00 đối với học phần chỉ yêu cầu đạt quy định tại điểm b khoản này.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn đánh giá kết quả học tập;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

e) Sinh viên có điểm I và điểm X sau khi hoàn thiện, chuyển điểm được tính lần đầu và dùng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

5. Học lại, học cải thiện điểm và đánh giá lại kết quả đánh giá kết thúc học phần

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt phải đăng ký học lại học phần đó nếu là học phần bắt buộc; đối với học phần tự chọn, sinh viên được đăng ký học lại học phần không đạt hoặc học đổi sang học phần tự chọn khác theo chương trình đào tạo;

b) Sinh viên đã đạt học phần được đăng ký học lại hoặc học đổi học phần tự chọn để cải thiện điểm, điểm cao nhất trong các lần học được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy;

c) Sinh viên là người nước ngoài được đề nghị đăng ký đánh giá lại bài đánh giá kết thúc học phần duy nhất 01 lần đối với mỗi học phần để cải thiện kết quả học tập. Đề nghị đánh giá lại phải được gửi trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày công bố điểm học phần. Trung tâm Khảo thí tiếp nhận, tổng hợp, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đánh giá lại và cập nhật kết quả vào Hệ thống Đại học điện tử theo quy định. Kết quả sau khi đánh giá lại được xác định tính điểm lần đầu.

Điều 13. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Kết quả học tập trong học kỳ, trong năm học, từ đầu khóa học của sinh viên được đánh giá dựa trên kết quả các học phần thuộc chương trình đào tạo sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần sử dụng để tính điểm trung bình học tập sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo dùng để tính điểm sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), bao gồm cả các học phần được công nhận và chuyển đổi tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần trong chương trình đào tạo dùng để tính điểm sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học), được tính bằng trung bình cộng có trọng số các điểm học phần với trọng số là số tín chỉ của học phần, làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Điểm trung bình của những học phần trong chương trình đào tạo dùng để tính điểm sinh viên đã học và đạt từ đầu khóa học (điểm trung bình chung tích lũy), được tính bằng trung bình cộng có trọng số các điểm học phần với trọng số là số tín chỉ của học phần, làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Trong học kỳ, năm học, khóa học, nếu sinh viên học một học phần nhiều lần thì điểm cao nhất trong các lần học của sinh viên được sử dụng để tính điểm trung bình học tập.

Kết quả học tập trong học kỳ phụ được tính vào kết quả học tập của học kỳ chính tổ chức ngay trước học kỳ phụ để tính các điểm trung bình trong các đợt xét học tiếp, xét tốt nghiệp, xếp loại học lực và xếp trình độ năm học của sinh viên.

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số tương ứng theo thang từ 0 tới 4 như sau:

A quy đổi thành 4,0;

B+ quy đổi thành 3,5;

B quy đổi thành 3,0;

C+ quy đổi thành 2,5;

C quy đổi thành 2,0;

D+ quy đổi thành 1,5;

D quy đổi thành 1,0;

F quy đổi thành 0.

3. Một số quy định khác:

a) Những điểm chữ không được quy định tại khoản 2 Điều này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần

không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên;

b) Nếu số lượng học phần trong nhóm tự chọn mà sinh viên tích lũy lớn hơn số lượng học phần quy định phải tích lũy trong nhóm tự chọn, sẽ dùng điểm các học phần cao nhất, đủ số lượng học phần và số tín chỉ theo quy định của nhóm để tính điểm trung bình chung tích lũy. Trường hợp số tín chỉ các học phần tự chọn vượt quá số tín chỉ quy định nhưng kết quả học tập của các học phần bằng nhau sinh viên được lựa chọn học phần dùng để tính điểm trung bình chung tích lũy trong việc xét tốt nghiệp;

c) Những học phần sinh viên đã được miễn học và công nhận tín chỉ nhưng sinh viên đăng ký học, được đánh giá đạt sẽ dùng để tính điểm trung bình tích lũy;

d) Trường hợp sinh viên không dùng hoặc dùng điểm của học phần khác để tính điểm trung bình chung tích lũy được quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều này phải làm đơn gửi đơn vị quản lý đào tạo trước thời điểm xét công nhận tốt nghiệp 01 tuần.

4. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình chung tích lũy như sau:

Từ 3,60 đến 4,00: Xuất sắc;

Từ 3,20 đến 3,59: Giỏi;

Từ 2,50 đến 3,19: Khá;

Từ 2,00 đến 2,49: Trung bình;

Từ 1,00 đến 1,99: Yếu;

Dưới 1,00: Kém.

5. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

a) Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;

b) Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;

c) Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;

d) Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;

đ) Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$.

Điều 14. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ

1. Kết thúc mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

b) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba và dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

2. Cuối mỗi năm học sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

a) Trong năm học, sinh viên có 02 lần cảnh báo học tập đối với chương trình đào tạo tổ chức 02 học kỳ chính hoặc 03 lần cảnh báo học tập đối với chương trình đào tạo tổ chức 03 học kỳ chính;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này.

3. Quy trình xét học vụ được thực hiện như sau:

a) Đối với chương trình đào tạo không tổ chức học kỳ phụ: Tuần thứ 3 sau khi kết thúc học kỳ chính, đơn vị quản lý sinh viên thực hiện xét học vụ trên Hệ thống Đại học điện tử và thông báo kết quả để sinh viên kiểm tra, phản hồi;

b) Đối với chương trình đào tạo có tổ chức học kỳ phụ: Tuần thứ 3 sau khi kết thúc học kỳ phụ, đơn vị quản lý sinh viên thực hiện xét học vụ trên Hệ thống Đại học điện tử và thông báo kết quả để sinh viên kiểm tra, phản hồi;

c) Tuần thứ 4 sau khi kết thúc học kỳ chính hoặc học kỳ phụ liền kề (đối với chương trình đào tạo có tổ chức học kỳ phụ), Giám đốc Đại học ban hành quyết định cảnh báo học tập. Tuần thứ 4 của năm học mới, Giám đốc Đại học ban hành quyết định buộc thôi học đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Ngay sau khi có kết quả cảnh báo học tập ở mỗi học kỳ, đơn vị quản lý sinh viên phối hợp với giảng viên điều phối và cố vấn học tập/chuyên viên chăm sóc người học hướng dẫn, tư vấn sinh viên điều chỉnh khối lượng học tập đăng ký ở học kỳ tiếp theo phù hợp với năng lực học tập; đồng thời, lập kế hoạch học lại, học cải thiện đối với các học phần chưa đạt;

đ) Trưởng đơn vị quản lý sinh viên chịu trách nhiệm thông báo cho sinh viên và gia đình hoặc người giám hộ về kết quả xử lý học vụ để phối hợp quản lý, đôn đốc sinh viên. Thời hạn thông báo được quy định như sau: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Giám đốc Đại học ký ban hành quyết định cảnh báo học tập đối với trường hợp sinh viên bị cảnh báo học tập; trong thời hạn 01 tháng kể

từ ngày Giám đốc Đại học ký ban hành quyết định buộc thôi học đối với trường hợp sinh viên không đủ điều kiện học tiếp.

4. Sinh viên không đủ điều kiện tiếp tục học tập theo quy định tại khoản 2 Điều này được cấp giấy xác nhận kết quả học tập đối với các học phần đã tích lũy.

CHƯƠNG IV
TỔ CHỨC CÁC HỌC PHẦN ĐẶC THÙ

Điều 15. Quy định chung về các học phần đặc thù

1. Học phần đặc thù bao gồm học phần thực tập (thực tập cơ sở, thực tập nghề nghiệp, thực tập doanh nghiệp trong và ngoài nước) và học phần đồ án, khóa luận tốt nghiệp (ĐA/KLTN).

2. Các học phần đặc thù được tổ chức ở giai đoạn thích hợp trong chương trình đào tạo nhằm đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra, năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng và giải quyết các vấn đề chuyên môn, thực tiễn của sinh viên.

3. Việc tổ chức, thực hiện và đánh giá các học phần đặc thù phải bảo đảm các nguyên tắc:

a) Phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra và kế hoạch đào tạo của từng ngành/chương trình đào tạo;

b) Bảo đảm tính thực tiễn, khoa học, khách quan, công bằng, minh bạch và liêm chính học thuật;

c) Tuân thủ quy định về an toàn lao động, sở hữu trí tuệ, bảo mật thông tin và các quy định pháp luật có liên quan;

d) Toàn bộ quá trình đăng ký, quản lý, theo dõi, phê duyệt, nộp báo cáo và công nhận kết quả được thực hiện thống nhất trên Hệ thống Đại học điện tử.

4. Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng học phần đặc thù, đề cương chi tiết học phần có thể quy định số điểm đánh giá thành phần ít hơn quy định tại khoản 1 Điều 12 của Quy chế này.

Điều 16. Tổ chức và quản lý học phần thực tập

1. Địa điểm thực tập: thực hiện tại các doanh nghiệp, tổ chức đối tác do Đại học kết nối hoặc do sinh viên đề xuất được đơn vị đào tạo thẩm định, phê duyệt. Việc tổ chức thực tập tại nước ngoài thực hiện theo thỏa thuận hợp tác và quyết định của Giám đốc Đại học.

2. Điều kiện của doanh nghiệp tiếp nhận: có tư cách pháp lý rõ ràng; lĩnh vực hoạt động và vị trí tiếp nhận phù hợp với ngành đào tạo; đáp ứng điều kiện an toàn lao động và cam kết đánh giá, xác nhận kết quả thực tập của sinh viên.

3. Đăng ký và quản lý thực tập:

a) Sinh viên đăng ký học phần và địa điểm thực tập trên Hệ thống Đại học điện tử theo kế hoạch đào tạo;

b) Đơn vị đào tạo phê duyệt danh sách, phân công giảng viên hướng dẫn và cán bộ quản lý đợt thực tập;

c) Giảng viên hướng dẫn phối hợp với cán bộ chuyên môn tại doanh nghiệp để hướng dẫn, theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả thực tập của sinh viên.

4. Đánh giá kết quả: Điểm học phần thực tập được tổng hợp từ kết quả đánh giá của giảng viên hướng dẫn và nhận xét, xác nhận bằng văn bản/xác thực điện tử của doanh nghiệp theo quy định.

5. Trình tự, thủ tục chi tiết về đăng ký, phê duyệt, tổ chức và báo cáo thực tập trong và ngoài nước được thực hiện theo quy trình do Đại học ban hành.

Điều 17. Điều kiện, yêu cầu và tiêu chuẩn hướng dẫn ĐA/KLTN

1. Điều kiện thực hiện ĐA/KLTN: Sinh viên được đăng ký thực hiện ĐA/KLTN khi tích lũy đủ số học phần theo quy định của chương trình đào tạo (trừ thực tập doanh nghiệp và các học phần không tính điểm trung bình chung tích lũy) và không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Đề tài ĐA/KLTN: Phải phù hợp với ngành đào tạo, bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn, tính khả thi và tuân thủ các quy định về liêm chính học thuật. Đơn vị đào tạo tổ chức phê duyệt, giao đề tài cho sinh viên thực hiện theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. Ưu tiên lựa chọn các đề tài thuộc hoặc phát triển từ đề tài, dự án khoa học và công nghệ các cấp, nhiệm vụ nghiên cứu theo đặt hàng của doanh nghiệp hoặc nhiệm vụ hợp tác với đối tác nước ngoài. Đối với các kết quả ĐA/KLTN có tiềm năng, đơn vị đào tạo xem xét, hỗ trợ sinh viên công bố quốc tế hoặc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

3. Ngôn ngữ thực hiện ĐA/KLTN:

a) Đối với chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài, sinh viên phải thực hiện ĐA/KLTN bằng ngôn ngữ đào tạo của chương trình;

b) Đối với các chương trình đào tạo khác, sinh viên được đăng ký thực hiện ĐA/KLTN bằng tiếng nước ngoài, kèm theo bản tóm tắt bằng tiếng Việt.

4. Tiêu chuẩn giảng viên hướng dẫn (GVHD):

a) Có trình độ thạc sĩ trở lên đối với chương trình đào tạo trình độ đại học; có trình độ tiến sĩ đối với chương trình đào tạo trình độ kỹ sư, chuyên sâu đặc thù;

b) Có năng lực chuyên môn và hướng nghiên cứu phù hợp với nội dung đề tài; đối với chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài, đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo quy định.

5. Số lượng sinh viên tối đa một giảng viên được hướng dẫn tại cùng một thời điểm:

a) Giảng viên có trình độ tiến sĩ: không quá 25 sinh viên;

b) Giảng viên có trình độ thạc sĩ: không quá 15 sinh viên.

Điều 18. Đánh giá, nộp báo cáo và công nhận kết quả ĐA/KLTN

1. Điều kiện được đánh giá: ĐA/KLTN được đưa ra đánh giá khi đã hoàn thành báo cáo, được giảng viên hướng dẫn đồng ý thông qua và không vi phạm quy định về liêm chính học thuật. Trường hợp GVHD không thông qua, sinh viên nhận điểm 0 (không) cho học phần ĐA/KLTN.

2. Hình thức đánh giá: chấm báo cáo ĐA/KLTN; bảo vệ trực tiếp hoặc bảo vệ từ xa trước Hội đồng.

3. Hội đồng đánh giá:

a) Do Giám đốc Đại học ban hành quyết định thành lập; gồm tối thiểu 03 thành viên (Chủ tịch, Thư ký và Ủy viên). Giảng viên hướng dẫn không làm Chủ tịch hội đồng đối với đề tài do mình hướng dẫn;

b) Điểm đánh giá của Hội đồng là trung bình cộng điểm đánh giá của các thành viên có mặt tại buổi đánh giá;

c) Trường hợp điểm đánh giá giữa các thành viên Hội đồng có mặt chênh lệch nhau từ 2,0 điểm trở lên, Chủ tịch Hội đồng tổ chức trao đổi, thảo luận giữa các thành viên để thống nhất điểm. Trường hợp không thống nhất được, Chủ tịch Hội đồng quyết định điểm đánh giá của Hội đồng đối với sinh viên.

4. Điểm học phần đồ án, khóa luận tốt nghiệp được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến hai chữ số thập phân, bao gồm:

a) Điểm của GVHD (tính là điểm đánh giá thường xuyên) chiếm trọng số 30%;

b) Điểm của Hội đồng đánh giá ĐA/KLTN chiếm trọng số 70%.

5. Nộp, sửa chữa và nộp lại báo cáo:

a) Sinh viên có nghĩa vụ nộp báo cáo ĐA/KLTN đúng thời hạn lên Hệ thống Đại học điện tử theo kế hoạch của Trung tâm Khảo thí;

b) Trường hợp Hội đồng yêu cầu chỉnh sửa, sinh viên phải hoàn thành việc sửa chữa, nộp lại báo cáo đã chỉnh sửa kèm bản giải trình tiếp thu trên Hệ thống Đại học điện tử trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bảo vệ để Chủ tịch hội đồng phê duyệt và công nhận kết quả.

6. Xử lý kết quả không đạt: Sinh viên có điểm ĐA/KLTN không đạt được đăng ký học các học phần thay thế (nếu chương trình đào tạo có quy định) hoặc đăng ký thực hiện lại ĐA/KLTN ở các đợt tiếp theo.

Điều 19. Liêm chính học thuật, quản lý việc sử dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) và lưu trữ hồ sơ

1. Liêm chính học thuật và quy định sử dụng Trí tuệ nhân tạo (AI):

a) Báo cáo thực tập, ĐA/KLTN, tiểu luận, bài tập lớn, đồ án/dự án học phần và báo cáo nghiên cứu khoa học sinh viên phải bảo đảm tính trung thực, khách quan và liêm chính học thuật. Mọi hành vi gian lận, sao chép, mua bán sản phẩm, nhờ người khác làm hộ đều bị hủy bỏ kết quả học phần và xử lý kỷ luật theo quy định;

b) Sử dụng AI hợp pháp: Sinh viên được phép sử dụng công cụ AI làm phương tiện hỗ trợ tìm kiếm tài liệu, tham khảo, lập trình, sửa lỗi cú pháp. Khi sử dụng AI hỗ trợ trong bài tập, đồ án, khóa luận, sinh viên phải công khai, kê khai rõ tên công cụ AI và phạm vi/mức độ hỗ trợ trong phần phụ lục hoặc cam đoan của báo cáo;

c) Sử dụng AI trái phép (vi phạm liêm chính): Lấy nguyên văn nội dung/mã nguồn do AI tạo ra làm sản phẩm cá nhân mà không qua kiểm chứng/phân tích; dùng AI tạo ra dữ liệu, tài liệu tham khảo giả mạo; giấu giếm việc sử dụng AI hoặc dùng AI/công cụ số để gian lận trong kiểm tra, đánh giá. Sản phẩm vi phạm bị hủy bỏ kết quả theo khoản 1 Điều 42 và xử lý kỷ luật theo Điều 42 của Quy chế này.

2. Quản lý và lưu trữ hồ sơ:

a) Thư ký hội đồng, GVHD và sinh viên có trách nhiệm cập nhật đầy đủ biên bản, hồ sơ đánh giá và báo cáo ĐA/KLTN hoàn chỉnh lên Hệ thống Đại học điện tử chậm nhất 07 ngày làm việc sau khi kết thúc đánh giá;

b) Dữ liệu báo cáo và hồ sơ đánh giá được quản lý, bảo quản và lưu trữ an toàn tại Trung tâm Khảo thí và Trung tâm Thông tin Thư viện theo quy định của Đại học và pháp luật hiện hành.

Điều 20. Trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân

1. Đơn vị quản lý đào tạo: Chủ trì lập kế hoạch chung; tổng hợp, trình phê duyệt danh mục đợt thực tập, ĐA/KLTN và tham mưu hướng dẫn chung về công tác tổ chức, quản lý học phần đặc thù.

2. Đơn vị đào tạo: Chịu trách nhiệm toàn diện về chuyên môn và tổ chức thực hiện; thẩm định cơ sở thực tập; phê duyệt đề tài, phân công giảng viên hướng dẫn; phổ biến, quán triệt và yêu cầu sinh viên, giảng viên tuân thủ quy định về liêm chính học thuật, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Thành lập tổ rà soát liêm chính học thuật để xem xét, kết luận các trường hợp có dấu hiệu vi phạm trong thời hạn 10 ngày làm việc và đề xuất xử lý theo Điều 42 của Quy chế này; phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Trung tâm Khảo thí: Chủ trì xây dựng kế hoạch đánh giá, trình ban hành quyết định thành lập Hội đồng đánh giá; hướng dẫn, giám sát quy trình đánh giá;

tổ chức hoặc phối hợp thực hiện kiểm tra mức độ sao chép, trùng lặp trong các sản phẩm học tập; quản lý dữ liệu và kết quả đánh giá theo quy định.

4. Trung tâm Thông tin Thư viện: Chủ trì quản trị, vận hành phần mềm kiểm tra trùng lặp và kho dữ liệu ĐA/KLTN; tổ chức cập nhật, quản lý, lưu trữ dữ liệu các sản phẩm ĐA/KLTN; hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị, giảng viên và sinh viên trong quá trình khai thác, sử dụng phần mềm; bảo đảm an toàn, bảo mật và khả năng truy cập, khai thác dữ liệu theo quy định.

5. Giảng viên hướng dẫn và sinh viên: Thực hiện đúng tiến độ, nhiệm vụ và quyền hạn được phân công; chịu trách nhiệm về tính trung thực, liêm chính học thuật và tính minh bạch trong việc sử dụng công cụ AI đối với sản phẩm học tập, nghiên cứu do mình hướng dẫn hoặc thực hiện.

6. Các đơn vị, cá nhân có liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị, cá nhân liên quan trong quá trình tổ chức, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và lưu trữ hồ sơ các học phần đặc thù; thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Đại học và quy định của Quy chế này.

CHƯƠNG V
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ

Điều 21. Chứng chỉ giáo dục đại học

1. Đại học xác nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ giáo dục đại học cho sinh viên đã hoàn thành một hoặc một số học phần hoặc một phần của chương trình đào tạo theo quy định.

2. Chứng chỉ giáo dục đại học được cấp trên cơ sở kết quả học tập đã được công nhận và có thời hạn giá trị tối đa là 02 lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo, tính từ ngày cấp ghi trên chứng chỉ.

3. Việc quản lý, cấp phát và lưu trữ chứng chỉ giáo dục đại học được thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ.

Điều 22. Nguyên tắc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của sinh viên đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học dựa trên khối lượng học tập, nội dung chuyên môn, chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Khối lượng tối đa được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ dưới 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo. Trường hợp đặc biệt vượt quá mức quy định này, Giám đốc Đại học xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ quy định tại Điều 27 của Quy chế này. Đối với hình thức đào tạo chính quy, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ phải bảo đảm yêu cầu về khối lượng thực học trực tiếp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Quy chế này.

3. Kết quả học tập được công nhận và chuyển đổi tín chỉ được ghi nhận trong bảng kết quả học tập của sinh viên và được xử lý như sau:

a) Không tính vào điểm trung bình chung học tập và ghi nhận bằng ký hiệu điểm "R" đối với các học phần được công nhận trên cơ sở chứng chỉ; kết quả học tập đã tích lũy của sinh viên chuyển từ cơ sở giáo dục đại học khác đến; kết quả học tập đã tích lũy ở các bậc học trước;

b) Chỉ tính vào điểm trung bình chung tích lũy đối với các học phần được công nhận từ thành tích, giải thưởng trong nghiên cứu khoa học, thi Olympic, bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus xếp hạng Q1, Q2 hoặc bằng sáng chế;

c) Đối với các trường hợp đặc biệt khác chưa được quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Giám đốc Đại học xem xét, quyết định hình thức ghi nhận kết quả học tập và việc tính điểm vào các điểm trung bình học tập của sinh viên trên cơ sở đề xuất của Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

Điều 23. Điều kiện công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và yêu cầu của học phần hoặc nhóm học phần đề nghị công nhận phù hợp hoặc tương đương với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và yêu cầu của học phần hoặc nhóm học phần tương ứng trong chương trình đào tạo hiện hành.

2. Khối lượng học tập của học phần hoặc nhóm học phần đề nghị công nhận phải bằng hoặc lớn hơn khối lượng học tập của học phần hoặc nhóm học phần tương ứng trong chương trình đào tạo hiện hành. Trường hợp cần thiết về chuyên môn, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của đơn vị quản lý chương trình đào tạo xem xét đề xuất ghép thêm học phần để bảo đảm đáp ứng chuẩn đầu ra trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định công nhận.

3. Kết quả học tập được xem xét công nhận phải đạt tối thiểu điểm C theo thang điểm chữ, 2,0 theo thang điểm 4 hoặc 5,5 theo thang điểm 10. Đối với sinh viên học theo hình thức đào tạo thường xuyên, chuyển ngành, chuyển chương trình đào tạo hoặc học chương trình liên kết đào tạo, kết quả học tập được xem xét công nhận khi đạt điểm D hoặc mức Đạt trở lên.

4. Chứng chỉ giáo dục đại học được xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ phải còn thời hạn giá trị theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Quy chế này. Đối với chứng chỉ ngoại ngữ được sử dụng làm căn cứ công nhận kết quả học tập hoặc chuyển đổi tín chỉ, chứng chỉ phải đáp ứng yêu cầu về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, có giá trị sử dụng theo quy định và còn hiệu lực tại thời điểm sinh viên nộp hồ sơ. Thời hạn giá trị của chứng chỉ ngoại ngữ là 02 năm kể từ ngày cấp ghi trên chứng chỉ, trừ trường hợp pháp luật hoặc quy định áp dụng đối với loại chứng chỉ đó có quy định khác.

5. Kết quả học tập đề nghị công nhận phải được tích lũy trong thời hạn không quá 05 năm tính đến thời điểm sinh viên nộp hồ sơ, trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật hoặc được Giám đốc Đại học quyết định theo quy định của Đại học.

6. Không công nhận kết quả học tập hoặc chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần thuộc nhóm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, trừ trường hợp chương trình đào tạo hoặc chương trình liên kết đào tạo có thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa Đại học với cơ sở đào tạo khác và đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Không sử dụng chứng chỉ để công nhận kết quả học tập hoặc chuyển đổi tín chỉ đối với học phần mà sinh viên đã học và tích lũy.

7. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ phải được thực hiện trên cơ sở đánh giá học thuật, bảo đảm công bằng, minh bạch, tính xác thực của kết quả học tập và chất lượng chương trình đào tạo. Việc đối sánh phải căn cứ vào chuẩn đầu ra, khối lượng học tập, nội dung học tập, mức độ tương đương về đánh giá và các điều kiện bảo đảm chất lượng; kết quả công nhận không được làm giảm yêu cầu chất lượng hoặc thay đổi chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

8. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ được thực hiện theo quy trình, tiêu chí đánh giá, thẩm quyền quyết định và giới hạn số tín chỉ được công nhận do Đại học quy định. Trường hợp chưa đủ căn cứ xác định mức độ tương đương, Đại học yêu cầu sinh viên thực hiện đánh giá bổ sung theo quy định. Sinh viên có quyền khiếu nại về kết quả xét công nhận theo quy định của Đại học.

9. Trường hợp đặc biệt, Giám đốc Đại học xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu chất lượng và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

10. Đại học công khai trên trang thông tin điện tử các quy định về điều kiện, tiêu chí, quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ; thời hạn giá trị của chứng chỉ giáo dục đại học và kết quả học tập được công nhận; tỷ lệ tín

chỉ tối đa được công nhận; các trường hợp phải đánh giá bổ sung; thẩm quyền quyết định và cơ chế giải quyết khiếu nại của sinh viên.

Điều 24. Quy đổi khối lượng và kết quả học tập

1. Quy đổi khối lượng học tập

a) 01 tín chỉ bằng 15 giờ lý thuyết; bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; bằng 60 giờ thực tập tại các cơ sở; bằng 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án; một giờ trên lớp có thời lượng 50 phút;

b) 01 đơn vị học trình bằng 15 giờ học trên lớp; bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; bằng 60 giờ thực tập tại các cơ sở; bằng 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án; 01 giờ trên lớp có thời lượng 45 phút.

2. Quy đổi khối lượng học tập về số tín chỉ của học phần theo bảng sau đây:

TT	Số đơn vị học trình	Số tín chỉ
1	3	2
2	4	3
3	5 hoặc 6	4
4	≥7	5

3. Quy đổi kết quả học tập

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 8,50 đến 10	A	4,0
2	Từ 7,70 đến 8,49	B+	3,5
3	Từ 7,00 đến 7,69	B	3,0
4	Từ 6,20 đến 6,99	C+	2,5
5	Từ 5,50 đến 6,19	C	2,0

4. Nếu một nhóm học phần được công nhận kết quả tương đương với học phần trong chương trình đào tạo hiện hành, điểm quy đổi là điểm trung bình có trọng số của các học phần, được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Điều 25. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần trong chương trình đào tạo

1. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần trong chương trình đào tạo được thực hiện theo các tiêu chí, điều kiện và nguyên tắc tại Điều 22 và Điều 23 của Quy chế này.

2. Đối với các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất và Lý luận chính trị được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và

Đào tạo. Sinh viên được xem xét công nhận kết quả học tập khi có văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy xác nhận đã hoàn thành học phần trong các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, đại học hoặc tương đương trở lên hoặc có các văn bằng, chứng chỉ chuyên ngành phù hợp theo quy định.

3. Sinh viên có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên thuộc nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin hoặc ngành Sư phạm Tin học được xem xét công nhận học phần về Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc Năng lực số trong chương trình đào tạo.

Điều 26. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Chứng chỉ ngoại ngữ: Sinh viên được xét công nhận và miễn học các học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo khi có chứng chỉ ngoại ngữ đạt từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ quốc tế được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tương đương, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ năng ngoại ngữ theo quy định của chương trình đào tạo.

2. Chứng chỉ tin học: Sinh viên được xét công nhận kết quả học tập và miễn học các học phần Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc học phần tương đương trong chương trình đào tạo khi có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao hoặc chứng chỉ tin học quốc tế được Đại học công nhận, bảo đảm phù hợp với chuẩn đầu ra và nội dung của học phần.

3. Chứng chỉ nghề nghiệp: Sinh viên có các chứng chỉ nghề nghiệp của các tổ chức hợp tác với Đại học theo văn bản hợp tác được xem xét công nhận và quy đổi tương đương với các học phần trong chương trình đào tạo.

4. Thành tích, giải thưởng trong nghiên cứu khoa học, thi Olympic: Sinh viên đạt giải Ba trở lên trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, kỳ thi Olympic, cuộc thi, giải đấu chuyên môn do Đại học tổ chức hoặc do các cơ sở giáo dục, tổ chức chuyên môn trong nước và quốc tế tổ chức mà sinh viên được Đại học cử tham gia; là tác giả hoặc đồng tác giả bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus xếp hạng Q1, Q2; hoặc là tác giả sáng chế được cấp bằng sáng chế, được xem xét công nhận kết quả học tập của học phần tương ứng, cụ thể:

a) Mỗi thành tích, giải thưởng được công nhận kết quả học tập cho một học phần có chuẩn đầu ra phù hợp với nội dung và kết quả đạt được;

b) Trong trường hợp đặc biệt, đề tài nghiên cứu khoa học được xem xét công nhận kết quả học tập cho nhiều hơn một học phần, đơn vị quản lý sinh viên phải công bố rõ các học phần và chuẩn đầu ra tương ứng mà đề tài đáp ứng khi giao đề tài cho sinh viên.

Điều 27. Xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ được thực hiện theo cơ chế hội đồng, dựa trên đối sánh chuẩn đầu ra, khối lượng học tập, nội dung học tập, mức độ tương đương về đánh giá, điều kiện bảo đảm chất lượng và tính xác thực của kết quả học tập; kết quả công nhận không làm giảm yêu cầu chất lượng hoặc thay đổi chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ do Giám đốc Đại học quyết định thành lập gồm:

a) Chủ tịch: Giám đốc Đại học hoặc Phó Giám đốc Đại học;

b) Uỷ viên thường trực: Trưởng hoặc Phó Trưởng đơn vị quản lý đào tạo;

c) Các uỷ viên: Trưởng hoặc Phó Trưởng đơn vị có liên quan;

d) Thư ký: Viên chức đơn vị quản lý đào tạo.

3. Trình tự thực hiện xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo quy trình do Đại học ban hành.

CHƯƠNG VI
CÁC QUY ĐỊNH VỀ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

Điều 28. Liên kết đào tạo trong nước và trao đổi sinh viên

1. Việc tổ chức liên kết đào tạo trong nước phải tuân thủ quy định của pháp luật và quy định về liên kết đào tạo do Đại học ban hành.

2. Cơ sở chủ trì đào tạo và cơ sở phối hợp đào tạo có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau:

a) Cơ sở chủ trì đào tạo bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy chương trình liên kết chiếm tối thiểu 50% khối lượng học tập, không bao gồm khối lượng chương trình giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh; ban hành quy định về liên kết đào tạo, thẩm định các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở phối hợp đào tạo và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định;

b) Số lượng tuyển sinh của chương trình liên kết đào tạo được tính vào số lượng tuyển sinh của mỗi cơ sở đào tạo theo tỷ lệ giảng viên tham gia của mỗi bên;

c) Cơ sở chủ trì đào tạo chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo; các bên thực hiện đầy đủ nội dung đã thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo ngay sau khi tuyển sinh;

d) Trường hợp cơ sở phối hợp đào tạo không đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng, các bên phải thực hiện việc chuyển sinh viên về cơ sở chủ trì đào tạo để tiếp tục học tập theo quy định và bảo đảm quyền lợi của sinh viên. Trường hợp tạm dừng hoặc chấm dứt liên kết đào tạo, các bên phải công bố và thực hiện phương án bảo đảm quyền lợi của sinh viên, bảo đảm không gián đoạn việc học

tập và thực hiện bồi hoàn chi phí phát sinh nếu dừng tổ chức đào tạo theo quy định của pháp luật.

3. Đại học tổ chức trao đổi sinh viên với các cơ sở đào tạo trong nước trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên. Thỏa thuận phải xác định rõ điều kiện tham gia, học phần được học, trách nhiệm quản lý sinh viên, tổ chức đánh giá và cung cấp kết quả học tập. Sinh viên được học một số học phần tại cơ sở đào tạo đối tác và được xem xét công nhận kết quả học tập tại Đại học theo quy định.

4. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với sinh viên tham gia trao đổi được thực hiện theo quy định tại Chương V của Quy chế này, trên cơ sở đối sánh khối lượng học tập, nội dung chuyên môn và chuẩn đầu ra của học phần; bảo đảm đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Kết quả học tập được công nhận sau khi được cấp có thẩm quyền của Đại học xem xét, quyết định.

5. Trình tự, thủ tục tổ chức liên kết đào tạo trong nước và trao đổi sinh viên được thực hiện theo quy định của pháp luật, thỏa thuận giữa các bên và quy định, quy trình do Đại học ban hành.

Điều 29. Liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài

1. Đại học được liên kết với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài (sau đây gọi là cơ sở giáo dục nước ngoài) để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học và cấp văn bằng theo thỏa thuận giữa các bên, không thành lập pháp nhân mới, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước sở tại. Đơn vị đào tạo thuộc Đại học chỉ được thực hiện liên kết đào tạo trong lĩnh vực, ngành và trình độ đào tạo mà đơn vị được giao chủ trì thực hiện.

2. Cơ sở giáo dục nước ngoài tham gia liên kết đào tạo phải được thành lập, hoạt động hợp pháp; có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại cho phép đào tạo và cấp văn bằng trong lĩnh vực liên kết hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục còn hiệu lực. Chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục nước ngoài thực hiện tại Đại học phải được kiểm định hoặc được cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại công nhận chất lượng theo quy định.

3. Chương trình liên kết đào tạo là chương trình của cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc chương trình do Đại học và cơ sở giáo dục nước ngoài cùng xây dựng, được phê duyệt trong đề án liên kết đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh. Chương trình phải bảo đảm mục tiêu, nội dung, khối lượng học tập và các điều kiện chất lượng theo quy định của pháp luật; chuẩn đầu ra không thấp hơn chuẩn đầu ra theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; không có nội dung trái với pháp luật Việt Nam, ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục Việt Nam.

4. Hoạt động liên kết đào tạo được thực hiện theo hình thức đào tạo toàn bộ chương trình tại Việt Nam hoặc một phần chương trình tại Việt Nam và một phần chương trình tại cơ sở giáo dục nước ngoài. Tỷ lệ khối lượng học tập thực hiện thông qua hệ thống đào tạo trực tuyến được xác định trong đề án liên kết đào tạo và bảo đảm theo quy định: liên kết đào tạo trực tiếp không quá 30%; liên kết đào tạo trực tiếp kết hợp từ xa từ trên 30% đến 50%; liên kết đào tạo từ xa trên 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

5. Ngôn ngữ giảng dạy của chương trình liên kết đào tạo do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp văn bằng là ngoại ngữ, không giảng dạy bằng tiếng Việt hoặc thông qua phiên dịch; chương trình liên kết đào tạo do Đại học cấp văn bằng được giảng dạy bằng ngoại ngữ hoặc song ngữ theo thỏa thuận giữa các bên.

6. Chương trình liên kết đào tạo phải xác định rõ trình độ, ngành đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra, điều kiện tuyển sinh, thời gian đào tạo, khối lượng học tập, danh mục học phần và tín chỉ, địa điểm và hình thức đào tạo, ngôn ngữ giảng dạy, phân công giảng dạy giữa các bên, phương thức kiểm tra, đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, cơ sở cấp văn bằng và trách nhiệm của các bên.

7. Việc liên kết đào tạo phải được thực hiện trên cơ sở đề án liên kết đào tạo và thỏa thuận hợp tác giữa Đại học và cơ sở giáo dục nước ngoài. Đề án và thỏa thuận hợp tác phải xác định rõ trách nhiệm của các bên về tuyển sinh, đào tạo, quản lý sinh viên, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tài chính, bảo đảm chất lượng, kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả học tập, cấp văn bằng và phương án xử lý trường hợp chương trình bị đình chỉ hoặc chấm dứt, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của sinh viên. Thời hạn liên kết đào tạo không quá 05 năm kể từ ngày được phê duyệt và có thể được gia hạn; mỗi lần gia hạn không quá 05 năm và không vượt quá thời hạn của thỏa thuận hợp tác.

8. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề xuất chủ trương, xây dựng, thẩm định, phê duyệt, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ tuyển sinh và chấm dứt đề án liên kết đào tạo thực hiện theo quy trình do Giám đốc Đại học ban hành.

Điều 30. Tuyển sinh và tổ chức đào tạo chương trình liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài

1. Tuyển sinh chương trình liên kết đào tạo được thực hiện theo quy định về tuyển sinh của Đại học, quy định của pháp luật và thỏa thuận hợp tác giữa các bên. Điều kiện, đối tượng, phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh, yêu cầu về năng lực ngoại ngữ và các thông tin liên quan phải được công khai trước khi tổ chức tuyển sinh. Chỉ tiêu tuyển sinh chương trình liên kết đào tạo thuộc tổng chỉ tiêu tuyển sinh của Đại học và được xác định theo quy định hiện hành.

2. Sinh viên tham gia chương trình liên kết đào tạo phải đáp ứng điều kiện tuyển sinh của chương trình và yêu cầu về năng lực ngoại ngữ đầu vào: tối thiểu Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương đối với chương trình do Đại học cấp văn bằng; tối thiểu Bậc 4 hoặc tương đương đối với chương trình do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp văn bằng; trường hợp cấp đồng thời văn bằng của hai bên thì phải đáp ứng cả hai yêu cầu; người bản ngữ của ngôn ngữ sử dụng trong chương trình được xác định là đáp ứng yêu cầu. Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ đầu vào, sinh viên được tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ trước khi vào học chính khóa trong thời gian tối đa 12 tháng kể từ ngày được xác nhận trúng tuyển có điều kiện.

3. Việc tổ chức giảng dạy, học tập phải thực hiện đúng chương trình, kế hoạch đào tạo và địa điểm đào tạo đã được phê duyệt. Cơ sở giáo dục nước ngoài phải trực tiếp tham gia tổ chức đào tạo theo quy định; giảng viên đang giảng dạy chương trình đào tạo tương ứng của cơ sở giáo dục nước ngoài chủ trì và chịu trách nhiệm tổ chức giảng dạy không ít hơn 25% tổng khối lượng của chương trình liên kết đào tạo.

4. Đại học tổ chức hoặc phối hợp tổ chức giảng dạy các học phần bắt buộc đối với sinh viên là người Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Giảng viên tham gia chương trình liên kết đào tạo phải có trình độ thạc sĩ trở lên phù hợp với ngành, nhóm ngành giảng dạy; có kinh nghiệm giảng dạy trình độ đại học trong cùng lĩnh vực; có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình nhưng không thấp hơn Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương; đồng thời đáp ứng các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật, của Đại học và thỏa thuận hợp tác giữa các bên.

6. Giảng viên nước ngoài làm việc, giảng dạy tại Đại học phải đáp ứng quy định của pháp luật Việt Nam về người nước ngoài làm việc trong cơ sở giáo dục.

7. Cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các điều kiện bảo đảm chất lượng khác phải đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và được xác định trong đề án liên kết đào tạo. Hoạt động liên kết đào tạo được tổ chức tại các cơ sở của Đại học hoặc của cơ sở giáo dục nước ngoài; giáo trình, tài liệu học tập phải được cung cấp đầy đủ cho sinh viên.

8. Việc đăng ký học tập, tổ chức giảng dạy, kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, công nhận học phần, chuyển đổi tín chỉ, bảo lưu kết quả học tập, nghỉ học tạm thời, kéo dài hoặc rút ngắn thời gian học tập, chuyển chương trình, chuyển cơ sở đào tạo, buộc thôi học và các nội dung khác trong quá trình đào tạo thực hiện theo Quy chế này, quy định của pháp luật, quy định của cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng và thỏa thuận hợp tác giữa các bên; trường hợp có quy định khác nhau

thì phải bảo đảm không trái pháp luật Việt Nam và quyền, lợi ích hợp pháp của sinh viên.

9. Sinh viên chương trình liên kết đào tạo theo hình thức liên kết trực tiếp được xem xét chuyển sang chương trình liên kết đào tạo khác hoặc chương trình đào tạo khác cùng trình độ một lần duy nhất trong khóa học, tại thời điểm kết thúc năm học thứ nhất, khi đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình chuyển đến, không đang trong thời gian bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và được hai cơ sở đào tạo đồng ý. Khối lượng học tập được công nhận dưới 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo chuyển đến hoặc theo quy định của bên cấp văn bằng.

Điều 31. Đánh giá, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng và quản lý chương trình liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài

1. Việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, công nhận hoàn thành học phần và công nhận tốt nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và Quy chế này đối với chương trình do Đại học cấp văn bằng; theo quy định của pháp luật nước sở tại và của cơ sở giáo dục nước ngoài đối với chương trình do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp văn bằng; bảo đảm khách quan, công bằng, minh bạch và phù hợp với chương trình đã được phê duyệt. Việc kiểm tra, thi, đánh giá các học phần học trực tuyến phải được tổ chức tập trung, trực tiếp tại cơ sở đào tạo của Đại học.

2. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ giữa Đại học và cơ sở giáo dục nước ngoài được thực hiện trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung, khối lượng học tập, phương pháp đánh giá và kết quả học tập của học phần hoặc chương trình đã hoàn thành; bảo đảm sinh viên không phải học lại những nội dung đã được công nhận theo quy định. Nguyên tắc và bảng quy đổi điểm giữa Đại học và cơ sở giáo dục nước ngoài phải được xác định trong đề án liên kết đào tạo.

3. Văn bằng được cấp cho sinh viên tốt nghiệp chương trình liên kết đào tạo phải đúng thẩm quyền, đúng chương trình đã được phê duyệt và phù hợp với quy định của pháp luật. Văn bằng do Đại học cấp thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và Quy chế này; văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thực hiện theo pháp luật của nước sở tại, bảo đảm quyền lợi như văn bằng cấp cho sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo tương ứng tại nước sở tại và được công nhận theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Trường hợp chương trình liên kết đào tạo cấp đồng thời văn bằng của Đại học và cơ sở giáo dục nước ngoài, mỗi bên thực hiện việc cấp văn bằng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật tương ứng.

5. Đại học cấp cho sinh viên tốt nghiệp chương trình liên kết đào tạo chứng nhận tốt nghiệp để sử dụng kèm theo văn bằng, trong đó ghi rõ tên chương trình,

hình thức liên kết đào tạo, thời gian đào tạo tại Việt Nam và ở nước ngoài, trình độ ngoại ngữ đầu vào, ngôn ngữ sử dụng trong học tập và bậc trình độ đào tạo tham chiếu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

6. Đại học và cơ sở giáo dục nước ngoài chịu trách nhiệm về chất lượng chương trình, tuyển sinh, tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả học tập, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, quản lý sinh viên và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của sinh viên theo quy định của pháp luật và thỏa thuận hợp tác; thực hiện kiểm định chương trình liên kết đào tạo ngay sau khi có sinh viên tốt nghiệp và kiểm định lại theo chu kỳ theo quy định.

7. Đơn vị được giao quản lý chương trình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý sinh viên, quản lý chương trình, phối hợp với cơ sở giáo dục nước ngoài và các đơn vị liên quan trong tuyển sinh, đào tạo, kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả học tập và tốt nghiệp. Đơn vị được giao đầu mối về hợp tác đối ngoại chịu trách nhiệm quản lý quan hệ hợp tác, thỏa thuận hợp tác và hồ sơ liên kết; các đơn vị chức năng thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Thông tin về chương trình liên kết đào tạo, cơ sở giáo dục nước ngoài, chương trình đào tạo, điều kiện tuyển sinh, học phí, địa điểm đào tạo, cơ sở cấp văn bằng, giá trị pháp lý của văn bằng, kết quả kiểm định và các thông tin cần thiết khác phải được công khai theo quy định. Hồ sơ tuyển sinh, quá trình đào tạo, kết quả học tập, hồ sơ tốt nghiệp, văn bằng và các tài liệu liên quan phải được quản lý, lưu trữ và báo cáo theo quy định; bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên được lưu giữ trên hệ thống quản lý học tập tối thiểu 05 năm kể từ khi sinh viên tốt nghiệp. Hằng năm, Đại học báo cáo tình hình thực hiện các chương trình liên kết đào tạo với cơ quan quản lý có thẩm quyền và cập nhật cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học theo quy định.

9. Trường hợp chương trình liên kết đào tạo bị đình chỉ, chấm dứt hoặc không tiếp tục được triển khai, Đại học phải phối hợp với cơ sở giáo dục nước ngoài thực hiện phương án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của sinh viên, trong đó phải có phương án tiếp tục đào tạo, chuyển chương trình hoặc chuyển cơ sở đào tạo, công nhận kết quả học tập và giải quyết các quyền lợi tài chính của sinh viên, bao gồm hoàn trả kinh phí đã nộp đối với sinh viên không được hoặc không có nguyện vọng chuyển sang chương trình, cơ sở đào tạo khác theo quy định.

10. Việc gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ tuyển sinh hoặc chấm dứt chương trình liên kết đào tạo thực hiện theo quy định của pháp luật, quyết định phê duyệt đề án và thỏa thuận hợp tác giữa các bên; hồ sơ đề nghị gia hạn được thực hiện chậm nhất 06 tháng trước khi hết thời hạn liên kết đào tạo. Trường hợp thỏa thuận hợp tác hết hạn khi khóa học chưa kết thúc, các bên tiếp tục thực hiện các cam kết đối với sinh viên cho đến khi khóa học kết thúc.

CHƯƠNG VII
QUY ĐỊNH VỀ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 32. Chuyển chương trình đào tạo

1. Sinh viên được chuyển chương trình đào tạo nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Sinh viên đã đạt trình độ năm thứ hai trở lên và không là sinh viên năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này;

b) Thỏa mãn điều kiện trúng tuyển của chương trình đào tạo có nguyện vọng được chuyển đến;

c) Được chuyển duy nhất 01 (một) lần trong khóa học;

d) Chương trình đào tạo chuyển đến còn chỉ tiêu. Trường hợp số sinh viên đủ điều kiện có nguyện vọng chuyển đến vượt quá chỉ tiêu còn lại, việc xét chuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên điểm trung bình chung tích lũy từ cao xuống thấp.

2. Thủ tục chuyển chương trình đào tạo

a) Sinh viên nộp đơn đề nghị chuyển chương trình đào tạo theo mẫu từ ngày 01 tháng 6 đến trước ngày 30 tháng 6 hằng năm;

b) Ban Đào tạo tiếp nhận đơn và đối chiếu các điều kiện bảo đảm đúng quy định và đề xuất Giám đốc Đại học cho phép hoặc không cho phép sinh viên chuyển chương trình đào tạo trước ngày 30 tháng 8 hằng năm;

c) Đơn vị có sinh viên chuyển chương trình đào tạo được chuyển đến xem xét bảo lưu kết quả học tập, miễn học và công nhận tín chỉ trên cơ sở đối sánh hai chương trình đào tạo gửi Ban Đào tạo trình Giám đốc Đại học phê duyệt.

3. Thời gian tối đa sinh viên được phép theo học trong chương trình đào tạo mới tính từ ngày sinh viên nhập học chương trình đào tạo trúng tuyển.

Điều 33. Chuyển cơ sở đào tạo

1. Sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học khác được xem xét chuyển vào học tại Đại học Công nghiệp Hà Nội nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Sinh viên đã đạt trình độ năm thứ hai trở lên và không là sinh viên năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này;

b) Đạt điều kiện trúng tuyển trong cùng khóa tuyển sinh của chương trình đào tạo có nguyện vọng được chuyển đến;

c) Đại học có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình đào tạo sinh viên có nguyện vọng chuyển đến;

d) Được thủ trưởng cơ sở đào tạo đang theo học chấp thuận.

2. Thủ tục chuyển đến Đại học Công nghiệp Hà Nội:

a) Sinh viên chuyển đến phải có đủ hồ sơ bao gồm: đơn đề nghị chuyển cơ sở giáo dục (theo mẫu), hồ sơ minh chứng đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình đào tạo có nguyện vọng được chuyển đến (giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông/thi trung học phổ thông quốc gia, giấy báo trúng tuyển, ...), bảng kết quả học tập sinh viên có xác nhận của cơ sở giáo dục đang theo học, sơ yếu lý lịch;

b) Ban Đào tạo tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu các quy định tại khoản 1 Điều này đề xuất Giám đốc Đại học phê duyệt;

c) Ban Đào tạo cập nhật thông tin và kết quả học tập được công nhận của sinh viên vào Hệ thống Đại học điện tử.

3. Sinh viên chuyển đi khỏi Đại học Công nghiệp Hà Nội phải làm đơn gửi Ban Đào tạo sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Đại học.

Điều 34. Chuyển từ hình thức đào tạo chính quy sang hình thức đào tạo thường xuyên

1. Điều kiện xem xét chuyển hình thức đào tạo: Sinh viên đang theo học hình thức đào tạo chính quy được xem xét chuyển sang học hình thức đào tạo thường xuyên khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đơn đề nghị chuyển hình thức đào tạo theo quy định;

b) Không thuộc diện bị buộc thôi học hoặc không trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

c) Chương trình đào tạo đề nghị chuyển sang đang được Đại học tổ chức tuyển sinh và đào tạo theo hình thức đào tạo thường xuyên;

d) Đáp ứng điều kiện đối tượng tuyển sinh của hình thức đào tạo thường xuyên theo quy định của Đại học;

đ) Đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng và ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo tương ứng thuộc hình thức đào tạo thường xuyên trong năm tuyển sinh khóa học của sinh viên.

2. Quy trình và thẩm quyền giải quyết:

a) Sinh viên nộp đơn đề nghị chuyển hình thức đào tạo theo mẫu quy định trước thời điểm bắt đầu học kỳ mới tối thiểu 04 tuần;

b) Đơn vị quản lý sinh viên chủ trì, phối hợp với Khoa Đào tạo liên tục rà soát điều kiện, đối sánh chương trình đào tạo và lập bảng công nhận, chuyển đổi tín chỉ trình Giám đốc Đại học;

c) Giám đốc Đại học ra quyết định cho phép sinh viên chuyển sang hình thức đào tạo thường xuyên và công nhận số tín chỉ được miễn trừ, chuyển đổi.

3. Công nhận kết quả học tập và thời gian đào tạo:

a) Sinh viên được bảo lưu, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần có cùng nội dung, khối lượng kiến thức (hoặc tương đương) đã tích lũy ở hình thức chính quy hoặc trong chương trình đào tạo cao đẳng, đại học đã tốt nghiệp theo Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của Đại học;

b) Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo theo hình thức thường xuyên được xác định theo khoản 2 Điều 5 của Quy chế này trên cơ sở thời gian đào tạo chuẩn của chương trình theo hình thức thường xuyên, tính từ thời điểm sinh viên nhập học ở hình thức chính quy.

Điều 35. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình đào tạo khác nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

a) Đã tích lũy tối thiểu 25% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo, đạt điểm trung bình chung tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai của năm sinh viên trúng tuyển chương trình thứ nhất;

b) Đã tích lũy tối thiểu 25% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo, đạt điểm trung bình chung tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai của năm sinh viên trúng tuyển chương trình thứ nhất.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận

kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp khi đã đủ điều kiện tốt nghiệp cả hai chương trình và đã đăng kí học chương trình thứ hai muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp.

Điều 36. Đào tạo liên thông để cấp văn bằng đại học

1. Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học.

2. Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của một chương trình đào tạo khác.

3. Sinh viên liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với các học phần được miễn học, công nhận tín chỉ theo quy định của Quy chế này.

4. Điều kiện, thủ tục tiếp nhận học liên thông lên trình độ đại học thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy chế tuyển sinh của Đại học.

Điều 37. Học chương trình tích hợp trình độ đại học và trình độ thạc sĩ

1. Đại học tổ chức chương trình tích hợp trình độ đại học và trình độ thạc sĩ theo chương trình đào tạo được phê duyệt, bảo đảm sinh viên được tư vấn học thuật, cung cấp đầy đủ thông tin về học phí, tiến độ học tập, điều kiện duy trì, điều kiện chuyển ra khỏi chương trình và các quyền lợi liên quan.

2. Sinh viên thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy được đăng ký học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cùng nhóm ngành đào tạo khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Đã tích lũy ít nhất ba phần tư (3/4) khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo trình độ đại học đang theo học;

b) Có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ loại khá trở lên;

c) Đáp ứng các điều kiện khác của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và của Đại học.

3. Sinh viên đủ điều kiện đăng ký chương trình tích hợp được đăng ký học trước các học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo kế hoạch đào tạo được phê duyệt và đáp ứng các điều kiện tiên quyết của học phần. Tổng khối lượng học tập các học phần trình độ thạc sĩ được tích lũy trong giai đoạn cuối của

chương trình đào tạo trình độ đại học không vượt quá 40% tổng khối lượng tín chỉ của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

4. Các học phần trình độ thạc sĩ được phép học trước, điều kiện tiên quyết và yêu cầu về kết quả học tập được xác định trong chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo của chương trình tích hợp. Sinh viên chỉ được đăng ký học các học phần khi đáp ứng đầy đủ điều kiện tiên quyết của học phần và các điều kiện đăng ký học tập theo quy định của Đại học.

5. Kết quả học tập, tín chỉ của các học phần trình độ thạc sĩ mà sinh viên đã tích lũy trong chương trình tích hợp được công nhận cho chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định của Đại học và chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

6. Trường hợp sinh viên không tiếp tục hoặc không đủ điều kiện học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, kết quả học tập các học phần trình độ thạc sĩ đã tích lũy được xử lý như sau:

a) Được xem xét công nhận, chuyển đổi vào chương trình đào tạo trình độ đại học nếu các học phần đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ đại học;

b) Trường hợp không đủ điều kiện công nhận, chuyển đổi vào chương trình đào tạo trình độ đại học, kết quả học tập được cấp chứng chỉ giáo dục đại học theo quy định tại Điều 21 của Quy chế này.

7. Sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp đại học khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 40 của Quy chế này; được xét tuyển thẳng vào chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tương ứng nếu đáp ứng điều kiện tuyển sinh trình độ thạc sĩ. Đề tài đồ án, khóa luận tốt nghiệp được phát triển thành đề cương luận văn theo yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

8. Ban Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký chương trình tích hợp, đăng ký học các học phần trình độ thạc sĩ và xử lý kết quả học tập trong trường hợp sinh viên không tiếp tục hoặc không đủ điều kiện học chương trình trình độ thạc sĩ.

Điều 38. Học sinh trung học phổ thông tích lũy tín chỉ giáo dục đại học

1. Đối tượng: Học sinh trung học phổ thông thuộc đối tượng được miễn thi tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã hoàn thành và đạt kết quả học tập xếp loại tốt năm học lớp 10, 11 cấp học trung học phổ thông, được đăng ký học tích lũy tín chỉ giáo dục đại học tại Đại học.

2. Điều kiện đăng ký: Học sinh đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này được đăng ký học các học phần giáo dục đại học khi đáp ứng các điều kiện của Đại học và được cơ sở giáo dục phổ thông phối hợp xác nhận, quản lý trong quá trình học tập.

3. Học phần được đăng ký

a) Học sinh được đăng ký các học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học do Đại học công bố, phù hợp với năng lực học tập của học sinh và điều kiện tổ chức đào tạo của Đại học;

b) Danh mục học phần được phép đăng ký, điều kiện tiên quyết, số lượng học phần hoặc tín chỉ được đăng ký trong từng học kỳ do Đại học quy định và công bố;

c) Việc đăng ký, điều chỉnh, rút học phần thực hiện theo quy định về đăng ký học tập của Đại học.

4. Đánh giá kết quả học tập: Học sinh được học tập, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo quy định áp dụng đối với học phần tương ứng của chương trình đào tạo trình độ đại học. Kết quả học tập được quản lý riêng và được lưu trữ trên hệ thống quản lý đào tạo của Đại học.

5. Công nhận kết quả học tập: Kết quả học tập, tín chỉ mà học sinh đã tích lũy tại Đại học chỉ được xem xét công nhận vào chương trình đào tạo trình độ đại học sau khi sinh viên đáp ứng điều kiện trúng tuyển hoặc được công nhận là sinh viên của Đại học. Việc công nhận được thực hiện trên cơ sở kết quả học tập còn phù hợp với chuẩn đầu ra và còn trong thời hạn giá trị theo quy định.

6. Quản lý và lưu trữ: Đại học phối hợp với cơ sở giáo dục phổ thông trong việc quản lý học sinh tham gia học tập; quản lý kết quả đăng ký, quá trình học tập, đánh giá và kết quả tích lũy tín chỉ. Hồ sơ và dữ liệu học tập của học sinh được lưu trữ theo quy định của Đại học và pháp luật về lưu trữ, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin.

7. Trách nhiệm của các bên:

a) Ban Đào tạo chủ trì quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện và công nhận kết quả học tập theo quy định;

b) Đơn vị quản lý chương trình đào tạo phối hợp xác định danh mục học phần, điều kiện học tập, tổ chức giảng dạy, đánh giá kết quả học tập;

c) Cơ sở giáo dục phổ thông phối hợp xác nhận đối tượng, điều kiện của học sinh và quản lý học sinh trong quá trình tham gia học tập;

d) Học sinh thực hiện đầy đủ quy định về học tập, kiểm tra, đánh giá, đăng ký học tập và các nghĩa vụ liên quan của Đại học.

Điều 39. Nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập

1. Sinh viên được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;

d) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã phải học tối thiểu 01 học kỳ và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì lý do cá nhân được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này.

3. Thủ tục cho sinh viên nghỉ học tạm thời:

a) Sinh viên hoàn thành các nghĩa vụ tài chính, làm đơn đề nghị nghỉ học tạm thời và kèm theo các hồ sơ minh chứng;

b) Trưởng đơn vị quản lý sinh viên tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu các quy định tại khoản 1 Điều này và xác nhận cho sinh viên nghỉ học tạm thời trên Hệ thống Đại học điện tử trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

4. Sinh viên nghỉ học tạm thời có kế hoạch trở lại học tập phải làm đơn gửi về đơn vị quản lý sinh viên trước thời điểm đăng ký khối lượng học tập của học kỳ tối thiểu 10 ngày làm việc.

Đơn vị quản lý sinh viên tiếp nhận và cập nhật trạng thái cho sinh viên trên Hệ thống Đại học điện tử trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn của sinh viên.

5. Sinh viên có nguyện vọng được thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật, làm đơn xin thôi học gửi Ban Hỗ trợ người học để giải quyết theo quy định. Sinh viên được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo khi có quyết định cho thôi học và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Đại học. Sau khi có quyết định cho thôi học, sinh viên muốn quay trở lại học phải dự tuyển sinh đầu vào như những thí sinh khác.

Điều 40. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

1. Sau mỗi học kỳ, sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ số tín chỉ của các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo và được xếp loại học lực từ trung bình trở lên;

b) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

c) Hoàn thành các yêu cầu cần đạt của chương trình đào tạo và các yêu cầu khác theo quy định chuẩn chương trình đào tạo.

2. Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Đại học thông báo cho sinh viên kế hoạch xét tốt nghiệp tối thiểu 05 ngày làm việc trước thời điểm xét tốt nghiệp trên cổng thông tin điện tử dành cho sinh viên (*https://sv.dhcnhn.vn*) để sinh viên kiểm tra các nội dung về: kết quả học tập, thông tin cá nhân sẽ được in trên bằng tốt nghiệp và các điều kiện tốt nghiệp. Nếu có sai sót, sinh viên đề nghị sửa sai thông tin cá nhân hoặc gửi khiếu nại, thắc mắc về kết quả học tập theo quy định;

b) Đơn vị quản lý đào tạo mở đợt xét trên Hệ thống điện tử theo kế hoạch đã thông báo để các đơn vị quản lý sinh viên thực hiện xét tốt nghiệp. Trưởng đơn vị quản lý sinh viên chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra và lập danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp gửi đơn vị quản lý đào tạo để trình Giám đốc Đại học phê duyệt.

3. Quy định đối với sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp:

a) Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Đại học công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp và phụ lục văn bằng tốt nghiệp theo Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Đại học tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với Đại học;

b) Ngay sau khi có quyết định công nhận tốt nghiệp, sinh viên được cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời trong thời gian chờ cấp bằng;

c) Sinh viên muốn học cải thiện điểm để nâng hạng tốt nghiệp phải làm đơn đề nghị hoãn tốt nghiệp trước khi đơn vị quản lý sinh viên gửi danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 41. Xếp hạng tốt nghiệp và xử lý trường hợp không đủ điều kiện tốt nghiệp

1. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá được quy định tại khoản 4 Điều 13 của Quy chế này. Hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại có tổng số tín chỉ vượt quá 10% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học;

c) Sinh viên vi phạm các quy định về liêm chính học thuật, liêm chính khoa học đã có kết luận bằng văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định của Đại học về liêm chính học thuật.

2. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này.

Điều 42. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Các hình thức xử lý vi phạm

Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, sinh viên vi phạm bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử lý sau:

a) Hủy bỏ kết quả học tập: Áp dụng đối với các hành vi gian lận trong học tập, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; vi phạm liêm chính học thuật, liêm chính khoa học; sử dụng trái phép trí tuệ nhân tạo (AI), công cụ số, phương tiện công nghệ để gian lận; nhờ người khác thi hộ hoặc đi thi hộ; mua, bán hoặc sử dụng trái phép bài tập, đồ án, khóa luận tốt nghiệp của người khác; giả mạo, sửa chữa hoặc làm sai lệch hồ sơ, kết quả học tập; can thiệp trái phép vào hệ thống quản lý học tập, hệ thống thi, kiểm tra, đánh giá, hệ thống quản lý điểm và các hành vi gian lận khác có liên quan. Kết quả bị hủy bỏ gồm bài thi, bài kiểm tra, kết quả đánh giá, học phần hoặc kết quả học tập có liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm;

b) Xử lý kỷ luật: Sinh viên có hành vi vi phạm các quy định của Đại học thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ học tập hoặc buộc thôi học. Việc xác định hành vi vi phạm và áp dụng hình thức kỷ luật thực hiện theo các quy định của Đại học về xử lý vi phạm trong từng lĩnh vực có liên quan.

2. Xử lý vi phạm về hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ

a) Đại học thực hiện kiểm tra, xác minh và đối soát thông tin văn bằng, chứng chỉ sử dụng để đáp ứng điều kiện tuyển sinh, nhập học với Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học ngay sau khi sinh viên nhập học và thực hiện đối soát bổ sung khi cần thiết;

b) Trường hợp phát hiện hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả hoặc không hợp pháp được sử dụng để đáp ứng điều kiện tuyển sinh, nhập học, công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp hoặc cấp văn bằng, chứng chỉ, Đại học quyết định hủy bỏ kết quả, quyết định hoặc quyền lợi được xác lập trên cơ sở hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ đó;

c) Trường hợp đã cấp văn bằng, chứng chỉ trên cơ sở hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả hoặc không hợp pháp, Đại học thực hiện thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ và các kết quả có liên quan theo quy định.

3. Nguyên tắc áp dụng

a) Việc áp dụng hình thức xử lý vi phạm phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ;

b) Trường hợp một hành vi vi phạm đồng thời thuộc nhiều mức xử lý kỷ luật thì áp dụng hình thức kỷ luật ở mức cao nhất. Việc hủy bỏ kết quả học tập có liên quan được thực hiện đồng thời với việc xem xét áp dụng hình thức kỷ luật tương ứng.

CHƯƠNG VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

Điều 43. Chế độ báo cáo

1. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm:

a) Lưu trữ, cập nhật dữ liệu về hoạt động giáo dục đại học trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học bao gồm: số liệu sinh viên tuyển mới, sinh viên tốt nghiệp, văn bằng tốt nghiệp, sinh viên thôi học và đang học trong năm, sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm trong thời gian 12 tháng sau tốt nghiệp; phân loại theo đối tượng đầu vào, chương trình đào tạo, khóa đào tạo và hình thức đào tạo;

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo về tình hình tuyển sinh và đào tạo tại địa phương.

2. Lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan tới công tác đào tạo theo các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành:

a) Quyết định trúng tuyển, sổ bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn;

b) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo;

c) Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Công khai trên cổng thông tin điện tử chậm nhất 45 ngày trước khi tổ chức đào tạo:

a) Quy chế và các quy định quản lý đào tạo có liên quan;

b) Quyết định mở ngành, quyết định phê duyệt đề án liên kết đào tạo (nếu có) đối với chương trình sẽ tổ chức đào tạo;

c) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Các minh chứng về việc các chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

đ) Thông báo tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành;

e) Các minh chứng về việc đáp ứng các yêu cầu tối thiểu đối với liên kết đào tạo theo quy định tại Quy chế này.

4. Các đơn vị đào tạo thực hiện chế độ báo cáo, lưu trữ, bảo quản tài liệu và công khai thông tin theo quy định do Đại học ban hành.

Điều 44. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Quy chế này áp dụng đối với tất cả các khóa tuyển sinh trình độ đại học từ năm học 2026-2027 trở đi và các khóa tuyển sinh trước năm học 2026-2027 đang tiếp tục đào tạo tại Đại học, trừ các nội dung được quy định chuyển tiếp tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Các quy định về công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1633/QĐ-ĐHCN tiếp tục được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ thực hiện theo Quy chế này.

3. Các quy định thực hiện đồ án, khóa luận tốt nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 1532/QĐ-ĐHCN tiếp tục được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, việc thực hiện đồ án, khóa luận tốt nghiệp thực hiện theo Quy chế này.

4. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các văn bản sau đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này:

a) Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 744/QĐ-ĐHCN ngày 19/8/2021 và Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 666/QĐ-ĐHCN ngày 01/6/2023;

b) Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 519/QĐ-ĐHCN ngày 26/4/2024;

c) Quy định về tuyển sinh, tổ chức và đào tạo chuyên sâu đặc thù tương đương trình độ Bậc 7 - Kỹ sư theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 366/QĐ-ĐHCN ngày 03/4/2023;

d) Quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập học phần có tiểu luận, bài tập lớn, đồ án/dự án trong các chương trình đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 815/QĐ-ĐHCN ngày 15/8/2019;

đ) Các nội dung liên quan đến liên kết trình độ đại học trong Quy định quản lý và tổ chức hoạt động liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 2025/QĐ-ĐHCN ngày 08/12/2025;

e) Quy định về tổ chức học phần thực tập ban hành kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-ĐHCN ngày 17/7/2025;

g) Quy định thực hiện đồ án, khóa luận tốt nghiệp trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1532/QĐ-ĐHCN ngày 24/9/2025;

h) Quy định tổ chức dạy học chương trình đào tạo trình độ đại học bằng tiếng nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 862/QĐ-ĐHCN ngày 01/8/2022;

i) Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1633/QĐ-ĐHCN ngày 07/10/2025.

5. Trong thời hạn tối đa 03 tháng kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực, các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm rà soát, xây dựng, hoàn thiện các quy trình thực hiện những nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách để trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan. Ban Đào tạo có trách nhiệm phối hợp, đôn đốc và tổng hợp tình hình thực hiện.

Trong thời gian chưa ban hành quy trình thay thế, các đơn vị thực hiện theo Quy chế này và các văn bản có liên quan còn hiệu lực; không áp dụng các quy trình, hướng dẫn được ban hành trên cơ sở các văn bản đã bị thay thế, bãi bỏ.